

# Công cụ kiểm toán sở hữu trí tuệ



Tổ chức  
Sở hữu trí tuệ  
thế giới

***Giới hạn trách nhiệm:*** Ấn phẩm này được dịch và xuất bản với sự cho phép của Tổ chức Sở hữu trí tuệ thế giới (WIPO) - chủ sở hữu quyền tác giả đối với bản gốc (tiếng Anh) của ấn phẩm. Do vậy, WIPO không có nghĩa vụ hay trách nhiệm gì liên quan đến sự chính xác về bản dịch của ấn phẩm, mà nghĩa vụ và trách nhiệm đó thuộc về Cục Sở hữu trí tuệ Việt Nam.

Quyền tác giả đối với bản tiếng Việt thuộc Cục Sở hữu trí tuệ Việt Nam(2008). Quyền tác giả đối với bản tiếng Anh thuộc WIPO (2005).

Ấn phẩm này được dịch và phát hành với sự tài trợ của Quỹ tín thác WIPO/Hàn Quốc về sở hữu công nghiệp.

***Disclaimer:*** This work has been translated and reproduced with the permission of the World Intellectual Property Organization (WIPO), the owner of copyright of the original English version. The secretariat of WIPO assumes no liability or responsibility with regard to the translation and transformation of the data. The translated text belongs to the National Office of Intellectual Property of Vietnam (NOIP).

NOIP Copyright (2008). WIPO Copyright (2005).

This publication has been translated and published with the financial support of the WIPO Korea Funds-in-Trust for Industrial Property.

Các ảnh bìa của Cuốn sách được cung cấp bởi:

Tổ chức Scientific American;

Địa chỉ: Molinos Nuevos (Museo Hidraulica), Murcia, Tây Ban Nha;

[www.waterhistory.org](http://www.waterhistory.org);

Tiến sỹ Monzur Ahmed;

Nhà nghiên cứu thực nghiệm, Đan Mạch.

# Công cụ kiểm toán sở hữu trí tuệ



Tổ chức  
Sở hữu trí tuệ  
thế giới

# Công cụ kiểm toán sở hữu trí tuệ

## NỘI DUNG

### GIỚI THIỆU

- PHẦN I. KIỂM TOÁN SỞ HỮU TRÍ TUỆ LÀ GÌ ?
- PHẦN II. TẠI SAO CẦN PHẢI KIỂM TOÁN SỞ HỮU TRÍ TUỆ?
- PHẦN III. AI QUẢN LÝ VIỆC KIỂM TOÁN SỞ HỮU TRÍ TUỆ?
- PHẦN IV. CÔNG CỤ KIỂM TOÁN SỞ HỮU TRÍ TUỆ LÀ GÌ?

### CÔNG CỤ KIỂM TOÁN SỞ HỮU TRÍ TUỆ

- PHẦN I. KẾ HOẠCH, CHIẾN LƯỢC VÀ CHÍNH SÁCH LIÊN QUAN ĐẾN SỞ HỮU TRÍ TUỆ
- PHẦN II. CÁC DỮ LIỆU VÀ CÔNG THỨC CHUNG
- PHẦN III. CÁC LĨNH VỰC MỤC TIÊU CÓ LỢI THẾ CẠNH TRANH
- PHẦN IV. PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC
- PHẦN V. CHẨY MÁU CHẤT XÁM VÀ THU HÚT CHẤT XÁM
- PHẦN VI. CHÍNH SÁCH VÀ VIỆC SỬ DỤNG HỆ THỐNG SỞ HỮU TRÍ TUỆ CỦA CÁC DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ (SME)
- PHẦN VII. PHÁP LUẬT VÀ CÁC CHƯƠNG TRÌNH THỨC ĐẨY ĐỔI MỚI VÀ SÁNG TẠO
- PHẦN IIX. NHẬN DẠNG VÀ CHIẾN LƯỢC THỊ TRƯỜNG
- PHẦN IX. THƯƠNG HIỆU VÀ TIẾP THỊ
- PHẦN X. TIÊU CHUẨN VÀ CHỨNG NHẬN

- PHẦN XI. PHÁP LUẬT SỞ HỮU TRÍ TUỆ, PHÁP LUẬT VÀ QUY ĐỊNH KHÁC LIÊN QUAN ĐẾN HỆ THỐNG SỞ HỮU TRÍ TUỆ VÀ THỰC THI**
- PHẦN XII. QUẢN LÝ SỞ HỮU TRÍ TUỆ**
- PHẦN XIII. KHẢ NĂNG TIẾP CẬN, TÍNH BẢO MẬT VÀ SỰ TIỆN LỢI TRONG SỬ DỤNG**
- PHẦN XIV. NHẬN THỨC CỦA CÔNG CHÚNG VỀ SỞ HỮU TRÍ TUỆ**
- PHẦN XV. ĐÀO TẠO CHUYÊN MÔN VỀ SỞ HỮU TRÍ TUỆ**
- PHẦN XVI. NGUỒN TÀI TRỢ**
- PHẦN XVII. ĐỊNH GIÁ**
- PHẦN XVIII. LI-XĂNG (CHUYỂN GIAO QUYỀN SỬ DỤNG)**
- PHẦN XIX. SỬ DỤNG THÔNG TIN SÁNG CHẾ VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ THÔNG TIN KỸ THUẬT**
- PHẦN XX. CÁC CHƯƠNG TRÌNH VÀ SỰ HỖ TRỢ DÀNH CHO TRƯỜNG ĐẠI HỌC VÀ TỔ CHỨC NGHIÊN CỨU VÀ TRIỂN KHAI**
- PHẦN XXI. THƯƠNG MẠI HOÁ TRI THỨC TRUYỀN THỐNG, NGUỒN GEN VÀ VĂN HOÁ DÂN GIÀN**
- PHẦN XXII. TÀI SẢN VĂN HOÁ VÀ SỰ PHÁT TRIỂN CỦA CÁC NGÀNH CÔNG NGHIỆP, DU LỊCH VÀ TÀI CHÍNH**
- PHẦN XXIII. BÌNH LUẬN HOẶC GỢI Ý BỔ SUNG**



# GIỚI THIỆU

## PHẦN I. KIỂM TOÁN SỞ HỮU TRÍ TUỆ LÀ GÌ?

Kiểm toán sở hữu trí tuệ (IP Audit) là một công cụ quản lý nhằm đánh giá giá trị và rủi ro của tài sản trí tuệ. Trong những năm 1990, kiểm toán sở hữu trí tuệ đã trở nên phổ biến đối với hoạt động kinh doanh trong khu vực tư nhân.

Nhận thức ngày càng cao về tầm quan trọng của việc xây dựng và quản lý tài sản trí tuệ đối với nền kinh tế quốc dân đã khuyến khích xu thế mới về thực hiện kiểm toán sở hữu trí tuệ trong khu vực nhà nước trên phạm vi quốc gia và khu vực.

Kiểm toán sở hữu trí tuệ trong khu vực nhà nước nhằm đánh giá hiện trạng hạ tầng cơ sở và các điều kiện ban đầu cho việc phát triển và quản lý tài sản trí tuệ trong một nước hoặc khu vực. Đó có thể là bước đầu tiên trong một quá trình lâu dài của việc xác định chiến lược quốc gia hoặc khu vực cho việc tăng trưởng dựa trên tri thức.

Kiểm toán sở hữu trí tuệ để trả lời câu hỏi “Chúng ta đang ở đâu?” để giúp xác định “chúng ta muốn đi tới đâu?”.

Nguyên tắc chủ đạo đối với việc kiểm toán sở hữu trí tuệ trong khu vực nhà nước là lợi ích công. Mục tiêu của việc kiểm toán là có được một cái nhìn tổng quát về môi trường phát triển tài sản trí tuệ chứ không nhằm liệt kê danh mục và định giá các tài sản cụ thể (thực tế danh mục đó có thể là không cần thiết vì nó có thể tạo ra nguy cơ bộc lộ và làm mất tài sản trí tuệ của các chủ sở hữu chưa kịp đăng ký bảo hộ pháp lý cho các tài sản trí tuệ đó).

## PHẦN II. TẠI SAO CẦN KIỂM TOÁN SỞ HỮU TRÍ TUỆ?

Kiểm toán sở hữu trí tuệ, khi hoàn thành, sẽ cung cấp một khối lượng đáng kể các dữ liệu và kết quả phân tích, cho phép đánh giá một nước hoặc khu vực đã được trang bị như thế nào để tham gia vào quá trình tăng trưởng kinh tế dựa trên tài sản trí tuệ. Kết quả kiểm toán cần phải nêu rõ mục tiêu, bức tranh tổng thể về các chiến lược hiện có, hạ tầng cơ sở, năng lực, nhu cầu, thể chế, các lợi thế cạnh tranh và thách thức. Các dữ liệu và kết quả phân tích đó là điều kiện tiên quyết để xác định mục tiêu kinh tế và phát triển mang tính hiện thực có thể đạt được.

Là bước đầu tiên trong quá trình xây dựng Chiến lược sở hữu trí tuệ, kiểm toán sở hữu trí tuệ tập hợp tất cả các bên liên quan (chính phủ, khu vực tư nhân và



khu vực nghiên cứu) nhằm khẳng định cam kết của họ trong quá trình này. Trong hầu hết các trường hợp, đây là một quá trình dài hạn, đòi hỏi sự đầu tư thích đáng về nhân lực và tài chính.

Thông tin thu được trong quá trình kiểm toán sở hữu trí tuệ, như phỏng vấn, bản trả lời các phiếu điều tra, các nghiên cứu, đánh giá và nhận định chính là cơ sở để phân tích kỹ lưỡng hơn về thực trạng, xác định mục tiêu chiến lược, vì lợi ích cộng đồng và các kiến nghị để đạt được các mục tiêu này.

### PHẦN III. AI QUẢN LÝ VIỆC KIỂM TOÁN SỞ HỮU TRÍ TUỆ?

Quá trình kiểm toán sở hữu trí tuệ có thể được bắt đầu, thực hiện và đánh giá bởi nhiều cơ quan khác nhau. Một số nước sử dụng Cơ quan Kiểm toán nhà nước để tiến hành việc này. Chẳng hạn ở Ôxtrâyliya, trên cơ sở hoạt động kiểm toán thường xuyên, Tổng Kiểm toán Nhà nước trình bày báo cáo kiểm toán về việc quản lý sở hữu trí tuệ trong khu vực nhà nước của Ôxtrâyliya. Báo cáo kiểm toán đó trở thành một phần của Chiến lược quốc gia.

Ở các nước Cơ quan Kiểm toán nhà nước không có chức năng nói trên hoặc có hình thức lựa chọn khác, các cơ quan liên ngành có chức năng *đặc biệt* như Ủy ban liên ngành hoặc Nhóm công tác có thể được thành lập để thực hiện toàn bộ quá trình lập kế hoạch chiến lược, kể cả kiểm toán sở hữu trí tuệ.

Việc thành lập một Ủy ban liên ngành thể hiện một cam kết chính trị về việc giám sát, rà soát và ủng hộ việc kiểm toán sở hữu trí tuệ và kế hoạch chiến lược. Ủy ban này có thể bao gồm các chuyên viên cấp cao - những người có trách nhiệm tiếp nhận, đánh giá và thực hiện các kiến nghị của các Bộ chủ quản của họ.

Ở cấp độ cao cấp, một Nhóm công tác liên ngành có thể được chỉ định nhằm thu thập thông tin trả lời các câu hỏi trong quá trình kiểm toán sở hữu trí tuệ. Nhóm công tác có thể thực hiện các cuộc phỏng vấn và thu thập tư liệu từ một số Bộ như Giáo dục, Y tế, Môi trường, Tài chính, Tư pháp, Thương mại, Khoa học và Công nghệ<sup>1</sup>.

Việc kiểm toán có thể do một chuyên gia tư vấn điều phối và có trách nhiệm báo cáo lên Nhóm chuyên viên cao cấp hoặc Ủy ban liên ngành.

## PHẦN IV. CÔNG CỤ KIỂM TOÁN SỞ HỮU TRÍ TUỆ LÀ GÌ?

Thừa nhận tầm quan trọng của quá trình này, gần đây nhiều chính phủ và các tổ chức nghiên cứu công đã xây dựng và sử dụng kiểm toán sở hữu trí tuệ như một công cụ quản lý kinh tế. Tổ chức Sở hữu trí tuệ thế giới (WIPO) đã xây dựng cuốn sách “Công cụ kiểm toán sở hữu trí tuệ” như một tài liệu hướng dẫn mẫu linh hoạt cho các thành viên mình.

Cuốn sách “Công cụ kiểm toán sở hữu trí tuệ” được xây dựng làm tài liệu hướng dẫn có tính gợi ý và có thể được chỉnh sửa cho phù hợp với nhu cầu cụ thể của từng nước hoặc khu vực. Công cụ kiểm toán sở hữu trí tuệ được trình bày dưới dạng các câu hỏi và được sắp xếp theo các chủ đề khác nhau. Tài liệu bao gồm nhiều ví dụ thực tiễn và các chính sách khác nhau.

Vai trò của WIPO trong quá trình kiểm toán sở hữu trí tuệ là hỗ trợ các quốc gia thành viên cùng với nỗ lực của họ cung cấp ý kiến tư vấn chuyên gia theo yêu cầu, tạo điều kiện thuận lợi cho việc liên lạc với các tổ chức quốc tế, các chuyên gia quốc tế và khu vực tư nhân quốc tế, hỗ trợ việc định giá kết quả và tham gia vào các hoạt động tiếp theo.

1. Nhóm công tác sẽ có cơ hội biên soạn và trao đổi các thông tin thu thập được, cũng như thảo luận ý nghĩa của dữ liệu, theo đó, quá trình có thể góp phần nâng cao nhận thức trong nhóm, xây dựng một nhóm gắn kết liên ngành với một nền tảng chung về tri thức, hoàn thiện quá trình kiểm toán và hình thành sự đồng thuận cao về các thách thức và cơ hội trong quản lý tài sản trí tuệ trong phạm vi quốc gia. Trong quá trình này, các chuyên gia của WIPO và các chuyên gia quốc tế có thể thực hiện chức năng hỗ trợ.

# PHẦN I.

## KẾ HOẠCH, CHIẾN LƯỢC VÀ CHÍNH SÁCH SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Những kế hoạch chiến lược ở cấp chính phủ về phát triển và quản lý tài sản trí tuệ, bao gồm Kế hoạch hành động tổng thể (xác định mục tiêu, cơ chế, hành động, v.v..) được kết hợp chặt chẽ với các kế hoạch quốc gia trong lĩnh vực kinh tế, phát triển, giáo dục, thương mại, v.v..

## CÂU HỎI

1. Hiện tại ở nước bạn có chiến lược, kế hoạch hoặc chính sách quốc gia về sở hữu trí tuệ không?
2. Hiện nay ở nước bạn có “Chiến lược đổi mới khoa học và công nghệ” không? (Thuật ngữ này đôi khi được dùng để chỉ một kế hoạch khuyến khích phát triển khoa học, thúc đẩy sáng tạo tại các tổ chức nghiên cứu, và hỗ trợ các tài năng giáo dục. Xem các ví dụ ở cuối phần này).
3. Hiện nay ở nước bạn có chiến lược, kế hoạch, chính sách quốc gia về nghiên cứu và phát triển (R&D) hoặc về khoa học công nghệ không?
4. Hiện nay ở nước bạn có có chiến lược, kế hoạch, chính sách quốc gia đối với phát triển công nghiệp hoặc phát triển kinh tế hay không?
5. Hiện nay ở nước bạn có chiến lược, kế hoạch, chính sách quốc gia nhằm thúc đẩy các ngành công nghiệp văn hoá và hoạt động sáng tạo hay không?
6. Nếu trả lời “có” đối với bất kỳ câu hỏi nào trên đây, hãy chỉ rõ tên tài liệu, ngày công bố và tác giả của tài liệu đó, cũng như nêu rõ các thông tin liên quan về tình trạng, mức độ thực hiện và những thách thức liên quan. Hãy nộp một bản sao tài liệu đó cho Nhóm công tác.
7. Nước bạn có tham gia vào các chiến lược hoặc kế hoạch của khu vực về bất cứ vấn đề nào nêu tại các câu hỏi từ 1 đến 5 không? Nếu có, hãy chỉ rõ tên, ngày ban hành và tác giả của tài liệu đó và nộp một bản sao cho Nhóm công tác.
8. Các tài liệu đề cập trong câu trả lời cho các câu hỏi từ 2 đến 7 có đề cập đến sở hữu trí tuệ như một bộ phận không?

9. Các tài liệu đề cập trong câu trả lời cho các câu hỏi từ 1 đến 7 có đề cập đến sở hữu trí tuệ (hoặc việc bảo hộ các kết quả nghiên cứu hoặc cả hai) như là một tài sản kinh tế có thể phát triển, sở hữu và quản lý không?
10. Có tài liệu nào thể hiện sự cam kết của lãnh đạo cao cấp của Chính phủ về việc hỗ trợ các nhà nghiên cứu, các tác giả sáng chế, các doanh nghiệp và các tổ chức nghiên cứu trong việc tạo ra, sở hữu và khai thác các kết quả nghiên cứu của họ không?
11. Lãnh đạo cấp cao trong Chính phủ có nhận thức được rằng tài sản trí tuệ có giá trị kinh tế vì chủ sở hữu tài sản trí tuệ có thể yêu cầu người khác trả phí cho việc sử dụng các tài sản đó, rằng tài sản trí tuệ tác động đến giá bán và giá mua hàng trên thị trường và rằng tài sản trí tuệ ảnh hưởng đến việc định giá của công ty? *Câu hỏi này đòi hỏi sự đánh giá chủ quan và vì thế sẽ rất hữu ích nếu Nhóm công tác về kiểm toán sở hữu trí tuệ có thể thu thập và xem xét càng nhiều ý kiến phản hồi càng tốt và coi đó là những đóng góp hữu ích cho vấn đề này.*

## VÍ DỤ:

(Các nước được xếp theo thứ tự trong bảng chữ cái)

- Ở **Ôxtrâyli**a, nhiều văn bản về chính sách sở hữu trí tuệ được ban hành nhằm bảo đảm các kết quả nghiên cứu và triển khai (R&D) được bảo hộ và khai thác một cách tốt nhất. Bài trình bày của Tổng Kiểm toán Ôxtrâyli a có tiêu đề "Quản lý sở hữu trí tuệ trong khu vực nhà nước" là một trong số những tài liệu giàu thông tin nhất, trong đó Tổng kiểm toán khẩn thiết yêu cầu các cơ quan chính phủ nhận thức rõ tầm quan trọng của việc quản lý sở hữu trí tuệ trong khu vực nhà nước. Xem tại <http://www.anao.gov.au/WebSite.nsf/Publications/4A256AE90015F69B4A256B6D00086450>.

Chiến lược "Nâng cao năng lực của Ôxtrâyli a – Kế hoạch hành động về đổi mới cho tương lai" được Chính phủ Ôxtrâyli a thông qua vào năm 2001 nhằm nâng cao năng lực của Ôxtrâyli a trong việc tạo ra các ý tưởng, tiến hành nghiên cứu và đẩy nhanh việc khai thác thương mại các ý tưởng đó; phát triển và duy trì nguồn nhân lực có trình độ

của Ôxtrâyliya. Việc thực hiện sáng kiến này được giám sát bởi Hội đồng Khoa học và Đổi mới cấp Bộ trưởng do Thủ tướng làm Chủ tịch và nhà khoa học đầu ngành (Chief Scientist) làm cố vấn. Các bộ tham gia thực hiện chiến lược quốc gia này gồm: Bộ Giáo dục, Khoa học và Đào tạo; Bộ Công nghiệp, Du lịch và Tài nguyên; Bộ Bưu chính, Công nghệ thông tin và Nghệ thuật; Bộ Y tế và Tuổi thọ; Bộ Nông nghiệp, thủy sản và lâm nghiệp; (xem tại <http://backingaus.innovation.gov.au/default2001.htm>).

Dựa trên Chiến lược được khởi xướng năm 2001 mang tên “*Nâng cao năng lực của Ôxtrâyliya*”, Chính phủ đã xây dựng và triển khai Chiến lược “*Nâng cao năng lực của Ôxtrâyliya – Xây dựng tương lai của chúng ta bằng khoa học và đổi mới*” vào tháng 5/2004 (xem tại <http://backingaus.innovation.gov.au/default2004.htm>). Chiến lược mới này tiếp tục khẳng định cam kết của Chính phủ đối với việc đổi mới và thương mại hoá các kết quả sáng tạo để tạo ra của cải vật chất, như một trong số những ưu tiên chiến lược của Chính phủ. Tổng hợp hai chiến lược này đã đưa đến những cam kết về ngân sách cho khoảng thời gian 10 năm từ 2/2001 đến 11/2010.

Các thành quả đạt được từ việc triển khai Chiến lược này được tóm tắt trong Báo cáo về đổi mới của Chính phủ Ôxtrâyliya. Mục lục của Báo cáo cho phép biết được cấu trúc của toàn bộ Chiến lược (các cơ quan tham gia, chương trình, v.v...). Để biết về Báo cáo “*Nâng cao năng lực của Ôxtrâyliya năm 2003/04 – Kết quả thực, việc làm thực*”, xem tại <http://backingaus.innovation.gov.au/docs/BAA03-04.pdf>.

- Chính phủ **Canada** khởi xướng Chiến lược đổi mới nhằm thúc đẩy sự đầu tư của nhà nước và tư nhân cho hạ tầng tri thức để tăng hiệu quả của hoạt động R&D. Chiến lược đổi mới được khởi xướng để giải quyết những thách thức và đáp ứng các cơ hội kinh tế nhằm đảm bảo rằng ngày càng nhiều công ty được hưởng lợi từ việc khai thác thương mại các tri thức; xây dựng một thương hiệu bản địa của Canada và thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI). Dựa trên các số liệu thống kê khác nhau, kể cả cuộc khảo sát về thương mại hoá tài sản trí tuệ trong ngành giáo dục đại học, tài liệu chiến lược đầu tiên nhấn mạnh tầm quan trọng của một chiến lược sở hữu trí tuệ rõ ràng trong các trường đại học, đặc biệt là đối với các dự án do Chính phủ tài trợ (xem “*Để đạt được thành công: hãy đầu tư vào con người, tri thức và cơ hội*”). Một tài liệu liên quan khác với tựa đề “*Các vấn đề tri thức: các kỹ năng và*

*tri thức của người Canada*" cũng đáng đọc để hiểu rõ động lực đằng sau các sáng kiến nâng cao tri thức của người dân và người nhập cư thông qua việc đào tạo và phối hợp tốt hơn giữa các cơ quan chức năng liên quan của Chính phủ Canada. Cả hai tài liệu này đều có tại <http://www.innovationstrategy.gc.ca/cmb/innovation.nsf/pages/index>.

- **Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa** có một chiến lược quốc gia rõ ràng về sở hữu trí tuệ. Tháng 3/2003, Thủ tướng báo cáo tại Quốc hội. Trong báo cáo hàng năm của Thủ tướng, vai trò của sở hữu trí tuệ được nhấn mạnh với ý nghĩa phát triển thương hiệu quốc gia và nâng cao năng lực cạnh tranh quốc tế, cũng như thúc đẩy các hoạt động nghiên cứu và khoa học. Điều quan trọng là phải giành được quyền sở hữu trí tuệ trong các lĩnh vực then chốt và tạo điều kiện thuận lợi nhằm đẩy nhanh sự chuyển đổi từ các thành tựu nghiên cứu sang năng suất được nâng cao. Xem Mục 4 ("Tiếp tục cải cách kinh tế và mở cửa hơn nữa với thế giới bên ngoài") và Mục 6 ("Thực hiện triệt để chiến lược trẻ hoá quốc gia thông qua khoa học, công nghệ và giáo dục; và chiến lược phát triển bền vững") trong báo cáo hàng năm của Thủ tướng đã được dịch ra tiếng Anh và công bố tại [http://english.peopledaily.com.cn/200303/19/print20030319\\_113574.html](http://english.peopledaily.com.cn/200303/19/print20030319_113574.html).
- Chiến lược của **Đan Mạch** về "*Chính sách công nghiệp của Đan Mạch. Các xu hướng mới đối với quyền sở hữu công nghiệp*" nhấn mạnh sự cần thiết của các biện pháp hộ sáng chế, nhãn hiệu và kiểu dáng công nghiệp nhanh hơn và rẻ hơn. Chiến lược đó cũng nhấn mạnh rằng việc bảo hộ pháp lý sở hữu trí tuệ phải được thiết lập cùng với sự phát triển công nghệ và sự tăng trưởng của nền kinh tế dựa trên tri thức. Xem tại <http://www.dkpto.dk/en/publications/reports/indu%5Fpolicy/index.htm>.
- Bản "*Đề cương Chính sách chiến lược về sở hữu trí tuệ*" của **Nhật Bản** nhấn mạnh nhu cầu nâng cao tổng sản phẩm quốc nội (GDP) và xuất khẩu thông qua việc tăng doanh số xuất khẩu hàng hoá dựa trên sở hữu trí tuệ, thực thi quyền sở hữu trí tuệ nhằm thực hiện các nghĩa vụ quốc tế, tăng cường cơ hội thương mại quốc tế và khu vực thông qua việc hài hoà hoá pháp luật nhằm giảm thiểu các rào cản thương mại, khuyến khích phát triển nguồn nhân lực và duy trì các ngành công nghiệp chủ chốt và biến thông tin/tri thức thành một nguồn của cải quan trọng của quốc gia. Xem [http://www.kantei.go.jp/foreign/policy/titeki/kettei/020703taikou\\_e.html](http://www.kantei.go.jp/foreign/policy/titeki/kettei/020703taikou_e.html).

Tháng 7/2003, Chính phủ Nhật Bản đã xây dựng "*Chương trình chiến lược về sáng tạo, bảo hộ và khai thác tài sản trí tuệ*", bao gồm một loạt các biện pháp đồng bộ cho hoạt động sáng tạo, bảo hộ và khai thác các tài sản trí tuệ với sự tham gia của Nhà nước, chính quyền địa phương, các trường đại học, tổ chức nghiên cứu và doanh nghiệp. Xem tại [http://www.kantei.go.jp/foreign/policy/titeki/kettei/030708f\\_e.html](http://www.kantei.go.jp/foreign/policy/titeki/kettei/030708f_e.html).

- **Hung-ga-ri** có một Kế hoạch quốc gia rõ ràng về sở hữu trí tuệ và thúc đẩy hoạt động R&D. Một số cơ quan Chính phủ liên quan điều phối chính sách khuyến khích hoạt động R&D, các doanh nghiệp vừa và nhỏ (SMEs), ICTs, các hoạt động sáng tạo và sở hữu trí tuệ. Cơ sở của Kế hoạch này chính là sự kết hợp chặt chẽ các chính sách khác nhau trong một Kế hoạch quốc gia nhằm nâng cao khả năng cạnh tranh của một số ngành hoặc nhóm ngành công nghiệp ưu tiên, (chẳng hạn như công nghệ thông tin) thông qua việc hỗ trợ của Chính phủ đối với R&D, các khoản vay nhằm thúc đẩy việc đăng ký bảo hộ sáng chế ở nước ngoài, chính sách trả góp các khoản vay (khuyến khích bằng tài chính), sự phân chia trách nhiệm một cách có chiến lược giữa các cơ quan chính phủ liên quan và sự tăng nhanh đáng kể vốn đầu tư cho hoạt R&D. Một điều cần lưu ý là sự kết hợp giữa chính sách và kế hoạch này dựa trên sự phân tích thống kê về SWOT (S - mạnh, W - yếu, O - cơ hội và T - nguy cơ trong nền kinh tế Hung-ga-ri và so sánh với các nước trong khối OECD (đặc biệt là các nước EU mà Hung-ga-ri là thành viên từ 1/5/2004). Xem "*Xây dựng các Chính sách và Chương trình đổi mới*" do Bộ Giáo dục trình bày tại <http://trendchart.cordis.lu/Reports/ Documents/Balogh%20HU.ppt>.
- "*Chiến lược Khoa học và Đổi mới năm 2001*" của Bộ Thương mại và Công nghiệp **Vương quốc Anh** (DTI) có thể xem tại <http://dtiinfo1.dti.gov.uk/scienceind/strategy.pdf>.



# PHẦN II. CÁC DỮ LIỆU VÀ CÔNG THỨC CHUNG

Phần này của Công cụ kiểm toán sở hữu trí tuệ được sử dụng để tập hợp các số liệu thống kê và các dữ liệu về các lĩnh vực liên quan chặt chẽ đến sở hữu trí tuệ và việc phát triển và quản lý tài sản trí tuệ như thông tin về đơn đăng ký sáng chế và nhãn hiệu, thông tin về chuyển giao công nghệ và thương mại, phí sử dụng tài sản trí tuệ, đầu tư trực tiếp nước ngoài, giá trị/định giá kinh tế và doanh thu của tài sản trí tuệ, v.v.. Các dữ liệu này có thể là rất hữu ích cho việc đánh giá các xu hướng và mô hình dùng làm cơ sở cho việc xác định mục tiêu và cho việc xây dựng các chỉ tiêu đánh giá chiến lược quốc gia về sở hữu trí tuệ và đánh giá các chiến lược trong tương lai.

## CÂU HỎI

12. Có những dữ liệu nào được sử dụng để đánh giá quyền sở hữu hiện tại và quá khứ đối với sáng chế, quyền tác giả, nhãn hiệu và các đối tượng sở hữu trí tuệ khác của công dân nước sở tại và các bên nước ngoài. Từ các dữ liệu đó, có thể rút ra xu hướng về số lượng đơn và văn bằng bảo hộ được cấp? Chẳng hạn, trong 5 năm gần đây lượng đơn do các nhà sáng chế hoặc các doanh nghiệp trong nước nộp có tăng không?
13. Tỷ lệ ngân sách dành cho hoạt động R&D so với tổng sản phẩm quốc nội (GDP) là bao nhiêu? Nếu có thể, hãy cung cấp các số liệu trong quá khứ để thấy được diễn biến trong vòng 10 năm qua.
14. Hãy cung cấp các số liệu về (a) tỷ lệ biết chữ và trình độ giáo dục ở đất nước bạn và (b) xu hướng trong thời gian 10 đến 20 năm qua?
15. Những lĩnh vực chuyên môn nào được đào tạo sau đại học? Đối với mỗi trường đại học và/hoặc cơ sở đào tạo ở bậc đại học, hãy cho biết số lượng sinh viên đại học và sau đại học của từng lĩnh vực đào tạo.
16. Hãy cho biết số lượng người hiện tại được đào tạo về khoa học hoặc công nghệ trên 1.000 dân? Xem xét số liệu thống kê trong vòng 10 đến 20 năm qua, xu thế đào tạo về khoa học tăng hay giảm? Có số liệu đó trong từng lĩnh vực không (ví dụ như công nghệ thông tin, y học, toán, v.v..)?
17. Hãy cho biết số lượng người hiện đang công tác trong lĩnh vực khoa học hoặc công nghệ? Số người được đào tạo đáp ứng đủ, dư thừa hoặc thiếu so với nhu cầu thực tế trên thị trường việc làm?

18. Việc thống kê số lượng người biểu diễn, nhạc sỹ và các nhà chuyên môn khác trong các lĩnh vực văn hoá nghệ thuật hiện tại trên 1.000 dân có được thực hiện và duy trì không? Có thể ước đoán số liệu đó không? Nếu có, hãy cung cấp số liệu hay con số ước lượng đó. Có xu hướng tăng hoặc giảm trong các ngành liên quan đến văn hoá hay không?
19. Việc thống kê số lượng người làm việc hoặc hoạt động trong lĩnh vực thiết kế và đồ họa hiện tại trên 1.000 dân có được thực hiện và duy trì không? Có thể ước lượng số liệu đó không? Nếu có, hãy cung cấp số liệu hay con số ước đoán đó. Có xu hướng tăng hoặc giảm không? Tỷ lệ phần trăm số người làm việc độc lập (tự làm) là bao nhiêu?
20. Hãy cho biết số lượng người làm công việc tiếp thị trong khu vực nghiên cứu hoặc trong khu vực kinh doanh hiện tại trên 1.000 dân? (Đây có thể là số liệu không chính xác vì vấn đề tiếp thị có thể bao gồm nhiều lĩnh vực học thuật, nhưng hãy cứ thử ước lượng).
21. Hãy cung cấp số liệu về các lĩnh vực kinh doanh hoặc kỹ thuật có nhiều đóng góp nhất cho GDP trong vòng 10 năm gần đây (ví dụ ngành nông nghiệp, sản xuất, du lịch, dịch vụ, v.v..). Hãy bình luận về các xu thế, cơ hội tăng trưởng hoặc những thách thức mà bạn có thể thấy được trong lĩnh vực đó. *Câu hỏi này đòi hỏi sự đánh giá chủ quan và vì thế sẽ rất hữu ích nếu Nhóm công tác về kiểm toán sở hữu trí tuệ có thể thu thập được và xem xét càng nhiều ý kiến phản hồi càng tốt và coi đó là những đóng góp hữu ích cho vấn đề này.*
22. Hãy cung cấp số liệu về các lĩnh vực kinh doanh hoặc kỹ thuật có doanh thu xuất khẩu cao nhất đối với mỗi năm trong vòng mười năm gần đây (ví dụ như chế biến nông sản). Hãy bình luận về các xu thế, cơ hội tăng trưởng hoặc những thách thức mà bạn có thể thấy được trong lĩnh vực đó. *Câu hỏi này đòi hỏi sự đánh giá chủ quan và vì thế sẽ rất hữu ích nếu Nhóm công tác về kiểm toán sở hữu trí tuệ có thể thu thập được và xem xét càng nhiều ý kiến phản hồi càng tốt và coi đó là những đóng góp hữu ích cho vấn đề này.*

## VÍ DỤ

- “*Biểu đồ về xu hướng đổi mới của châu Âu*” có tại địa chỉ tại <http://trendchart.cordis.lu/> đã thu thập, phân tích và phổ biến thông tin về chính sách đổi mới và các báo cáo thống kê tại tất cả các quốc gia thành viên EU. Biểu đồ bao gồm ba phần chính là (1) Đánh giá trình độ sáng tạo theo “Thang điểm sáng tạo châu Âu” tại <http://trendchart.cordis.lu/Reports/index.cfm?fuseaction=ReportInnovationHome>, (2) Phân tích chính sách đổi mới của quốc gia thông qua mạng lưới phóng viên thường trú theo kết quả của “Báo cáo về Biểu đồ xu hướng” tại: <http://trendchart.cordis.lu/Reports/index.cfm?fuseaction=ReportCAPList&srcArea=4|1>, và (3) Các hội thảo về chính sách nhằm rà soát tổng thể các chế độ chính sách. Cuối cùng, “Thiết bị đo” (“Innobarometer”) tại [http://www.cordis.lu/innovation\\_smes/src/innobarometer.htm](http://www.cordis.lu/innovation_smes/src/innobarometer.htm) là cuộc thăm dò ý kiến hoặc khảo sát do Ủy ban châu Âu thực hiện. Mục tiêu chính là để thể hiện quan điểm của các nhà quản lý châu Âu về nhu cầu của các công ty đối với việc đổi mới và sự đầu tư của họ vào đổi mới và các kết quả đạt được. Khoảng 3.000 nhà quản lý trong các công ty sử dụng từ 20 lao động trở lên đã được phỏng vấn qua điện thoại cho mỗi cuộc khảo sát.

# **PHẦN III.**

## **NHÓM VÀ CÁC LĨNH VỰC MỤC TIÊU CÓ LỢI THẾ CẠNH TRANH**

Phần này của Công cụ kiểm toán sở hữu trí tuệ sẽ xác định và lựa chọn các nhóm hoặc lĩnh vực mục tiêu (dưới đây gọi chung là “Nhóm”) mà một nước có hoặc có thể có lợi thế cạnh tranh. Nhóm giúp tập trung các nỗ lực phát triển tài sản sở hữu trí tuệ bằng cách kết hợp với giáo dục (phát triển nguồn nhân lực và đào tạo chuyên ngành sở hữu trí tuệ) và các ưu tiên của phát triển kinh tế.

## CÂU HỎI

23. Bạn có thể mô tả Nhóm hoặc Nhóm tiềm năng (hiện tại hoặc trong tương lai): Quy trình sản xuất, các sản phẩm nông nghiệp và nghề nông, năng lượng thay thế, các dịch vụ, phát triển phần mềm, điện tử, khoa học vật liệu, quang học, công nghệ sinh học, du lịch và du lịch theo chủ đề (ví dụ như du lịch sinh thái, du lịch văn hóa), nghệ thuật, âm nhạc? Hãy liệt kê bổ sung các lĩnh vực mà bạn nghĩ là có thể được mô tả nhưng chưa được liệt kê ở đây.
24. Chính phủ hoặc khu vực tư nhân có nhận thấy Nhóm về nghiên cứu và triển khai là lĩnh vực có thể mang lại lợi thế so sánh cho các tổ chức nhà nước, tư nhân và doanh nghiệp nhờ vào trình độ học vấn, tài sản trí tuệ, truyền thống văn hoá hoặc khoa học, tri thức truyền thống, nguồn gen, cam kết tài chính trước đó, các nhu cầu quốc gia sẽ được xác định, vị trí địa lý, mô hình kinh doanh, nhu cầu thị trường hay bất cứ một yếu tố hỗ trợ hay cạnh tranh nào khác không?
25. Pháp luật hay các quy định hiện hành có quy định thưởng tiền hoặc những khuyến khích tài chính nhằm khuyến khích các hoạt động nghiên cứu triển khai và đổi mới trong các lĩnh vực mục tiêu (cho dù chúng có nằm trong Nhóm không)?
26. Có chính sách khuyến khích (về tài chính, thuế, nhập cư, v.v.) nhằm thúc đẩy đầu tư trong và ngoài nước vào các lĩnh vực mục tiêu hoặc Nhóm không?
27. Có sự phân bổ ngân sách hàng năm cho hoạt động phát triển hệ thống khoa học sự nghiệp hay các chương trình chuyên ngành kỹ thuật tương tự không? Nếu có, chúng có được tổ chức theo Nhóm không? Có chương trình cấp Chính phủ nào nhằm khuyến khích người dân phát triển sự nghiệp của mình trong những lĩnh vực hoặc Nhóm nhất định không?

28. Có chương trình tài chính nào hỗ trợ việc sử dụng hệ thống sở hữu trí tuệ bằng cách đóng góp hoặc trả các khoản chi phí quản lý và pháp lý cho bảo hộ sở hữu trí tuệ không? Nếu có, hãy mô tả.
29. Bạn có biết ai đã xây dựng hoặc sử dụng các hệ thống hoặc phương pháp dự báo công nghệ nhằm đánh giá các xu hướng và mô hình trong các lĩnh vực mục tiêu hay Nhóm cụ thể không? Các nhà khoa học và các nhà sáng tạo có sử dụng các dịch vụ dự báo công nghệ nêu trên do Chính phủ, tổ chức nghiên cứu hoặc khu vực tư nhân cung cấp không?
30. Các doanh nghiệp hoặc tổ chức đã xây dựng hay sử dụng bản đồ sáng chế (patent map) và/hoặc phương pháp nghiên cứu tri thức cạnh tranh nhằm đánh giá các xu hướng và mô hình cạnh tranh, thị trường và mặt bằng công nghệ chưa? Các nhà khoa học và các nhà sáng tạo có sử dụng các dịch vụ như vậy do Chính phủ, các viện nghiên cứu hoặc khu vực tư nhân cung cấp không?
31. Nước bạn có đang ở trong giai đoạn chuyển đổi hoặc thay thế các công nghệ lạc hậu, theo đó các công nghệ mới liên quan có thể tăng trưởng và phát triển không (ví dụ, quy trình nông nghiệp, sản phẩm tái sinh từ rác thải)? Nếu có, hãy cho một số ví dụ.
32. Nước bạn có tự cho mình là một nước có công nghệ mới phát triển có thể đáp ứng các nhu cầu mang tính quốc gia và toàn cầu không (ví dụ, quản lý nguồn nước và năng lượng, quản lý môi trường, quản lý vùng biển, giảm thiểu thiên tai, viễn thông, bến bãi, dịch vụ logistic và vận tải, v.v.)? Trong thang điểm từ 1 đến 10, bạn đánh giá như thế nào về các Nhóm nêu trên trong việc trả lời các vấn đề trên phù hợp với những thách thức, nhu cầu, thị trường hoặc cơ hội mang tính cấp bách và dài hạn của quốc gia hay khu vực? *Câu hỏi này đòi hỏi sự đánh giá chủ quan và vì thế sẽ rất hữu ích nếu Nhóm công tác về kiểm toán sở hữu trí tuệ có thể thu thập và xem xét càng nhiều ý kiến phản hồi càng tốt và coi đó là những đóng góp hữu ích cho vấn đề này.*
33. Sự hợp tác khu vực, tiểu khu vực hoặc dựa trên Nhóm có được khai thác theo cách khuyến khích phát triển và quản lý tài sản sở hữu trí tuệ hay không?

## VÍ DỤ

- **Singapore** đã xác định các Nhóm chủ chốt trong các lĩnh vực khoa học, dựa trên năng lực quốc gia, lợi thế cạnh tranh và tầm quan trọng chiến lược. Xem thêm tại [http://www.wipo.int/innovation/en/meetings/1997/avi\\_ph/doc/ph97\\_8.doc](http://www.wipo.int/innovation/en/meetings/1997/avi_ph/doc/ph97_8.doc)
- Trong "*Kế hoạch phát triển Khoa học và Công nghệ quốc gia giai đoạn 2002- 2020 của Philippines*", mười hai Nhóm hoặc “đòn bẩy dài hạn” đã được thảo luận và xác định “dựa trên những dự báo được thảo luận trước đó và ý kiến tư vấn của các chuyên gia khoa học công nghệ và các thành phần khác nhau (...)”, bao gồm nông lâm nghiệp, vi điện tử, khoa học vật liệu, môi trường, giảm nhẹ thiên tai và năng lượng. Xem thêm tại <http://www.dost.gov.ph/downloads/NSTP0220.pdf>.



# PHẦN IV. PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC

Phần này sẽ hướng đến các chính sách và chương trình phát triển nguồn nhân lực, bao gồm các chính sách nhằm nâng cao chất lượng giáo dục tổng thể cũng như tập trung vào nhu cầu đào tạo cụ thể cho người dân. Phát triển nguồn nhân lực có vai trò quan trọng trong việc nâng cao các kỹ năng liên quan đến Nhóm được xác định trong Kế hoạch quốc gia (xem Phần III ở trên), các chiến lược và chính sách liên quan đến sở hữu trí tuệ (xem Phần I).

## CÂU HỎI

34. Có số liệu hiện tại nào cho thấy tỷ trọng đầu tư vào giáo dục so với tổng sản phẩm quốc nội (GDP)?
35. Một cách tương đối, giáo dục công có được đầu tư tốt như mười năm trước đây không? Có xu hướng ưu tiên và đầu tư cho giáo dục khoa học và công nghệ hay không? Bạn nhận định giáo dục khoa học và công nghệ là vững mạnh và phát triển hay có vấn đề và suy thoái? *Câu hỏi này đòi hỏi sự đánh giá chủ quan và vì thế sẽ rất hữu ích nếu Nhóm công tác về kiểm toán sở hữu trí tuệ có thể thu thập được và xem xét càng nhiều ý kiến phản hồi càng tốt và coi đó là những đóng góp hữu ích cho vấn đề này.*
36. Có số liệu nào hiện tại giúp đánh giá hiệu quả của các nỗ lực phát triển nguồn nhân lực (giáo dục ở tất cả các cấp) nhằm hỗ trợ các hoạt động nghiên cứu triển khai và thương mại hoá các kết quả nghiên cứu trong Nhóm? Sự phù hợp giữa những ưu tiên giáo dục quốc gia với ưu tiên nghiên cứu triển khai ở cấp tốt nghiệp đại học và trong khu vực doanh nghiệp đạt mức độ cao hay thấp?
37. Năng lực hiện có (số lượng giảng viên và cán bộ kỹ thuật) có đủ cho các lĩnh vực kỹ thuật chuyên ngành chủ chốt được coi là các lĩnh vực tăng trưởng kinh tế tiềm năng hay không?
38. Liên quan đến giáo dục văn hoá nghệ thuật, xu hướng đầu tư ngân sách, mức độ, các chương trình thúc đẩy và ưu tiên hiện nay là gì? Có các chương trình đầu tư nghiên cứu nâng cao trong văn hoá nghệ thuật hay không?

39. Các trường đại học và/hoặc học viện có chương trình giáo dục nâng cao (sau đại học) mà có cấp bằng trong những lĩnh vực nào?
40. Có chương trình tài trợ cho các sinh viên tốt nghiệp về khoa học và công nghệ không? Các kỹ sư khoa học này có thể tự chi trả cho các khoá học nâng cao không? Có đủ học bổng dành cho nghiên cứu sinh không? Có tình trạng sinh viên tốt nghiệp khỏi khoa học kỹ thuật ra trường thiếu việc làm không? Nếu có, biện pháp nào đang được áp dụng để giải quyết vấn đề đó?
41. Có các vị trí tuyển dụng tại các trường đại học hoặc các học viện liên quan dành cho các nghiên cứu sinh khoa học và công nghệ không? Số vị trí này tăng hay giảm trong năm đến mười năm qua?
42. Việc phát triển nguồn nhân lực quốc gia, khu vực và địa phương hiện tại có phù hợp với các Nhóm đã được xác định tại các câu hỏi trước, đặc biệt là ở Phần II hay không? Nói cách khác, hiện tại nước bạn có đang đào tạo các cán bộ trẻ có thể làm việc và sáng tạo trong Nhóm đó không? *Câu hỏi này đòi hỏi sự đánh giá chủ quan và vì thế sẽ rất hữu ích nếu Nhóm công tác về kiểm toán sở hữu trí tuệ có thể thu thập được và xem xét càng nhiều ý kiến phản hồi càng tốt và coi đó là những đóng góp hữu ích cho vấn đề này.*

## VÍ DỤ

- Sau khi đánh giá sự phát triển nhân lực và giáo dục của **Philippines**, Cơ quan Phát triển giáo dục kỹ thuật và nghề nghiệp (TESDA) (<http://www.tesda.gov.ph/>) đã được thành lập nhằm huy động sự tham gia đầy đủ của các ngành công nghiệp, các trường kỹ thuật và dạy nghề, chính quyền địa phương và tổ chức xã hội vào các chương trình phát triển nguồn nhân lực có trình độ của đất nước. Cú hích do TESDA tạo ra đã xây dựng được một Kế hoạch phát triển nhân lực hạng trung toàn diện phù hợp với các mục tiêu và ưu tiên phát triển quốc gia nhằm tạo nên sức cạnh tranh quốc tế. Có thể tìm hiểu thêm về “Kế hoạch Phát triển giáo dục kỹ thuật và nghề nghiệp quốc gia giai đoạn 2000-2004” tại <http://www.tesda.gov.ph/programs1/ntesdp.asp>.

Cũng tại Philippines, Bộ Khoa học và Công nghệ (DOST) và Hội đồng Nghiên cứu và Triển khai khoa học và công nghệ cao của Philippines (PCASTRD) đã xuất bản Danh mục "*Các lĩnh vực khoa học và công nghệ ưu tiên*", bao gồm công nghệ sinh học, công nghệ thông tin, khoa học vật liệu, điện tử và quang học. Những lĩnh vực này tạo cơ sở cho các quyết định cho việc xây dựng kế hoạch phát triển nguồn nhân lực cũng như đầu tư vào các hoạt động nghiên cứu triển khai. Xem thêm tại <http://www.pcastrd.dost.gov.ph/>.

# PHẦN V. CHẢY MÁU CHẤT XÁM VÀ THU HÚT CHẤT XÁM

Phần này tập trung vào các chính sách, các chương trình khuyến khích, tài trợ các trang thiết bị nghiên cứu, v.v. để chống lại hoặc làm giảm bớt tình trạng “chảy máu chất xám” của các nhà sáng chế và sáng tạo sang các nước khác, cũng như thu hút các chuyên gia có trình độ từ nước ngoài.

## CÂU HỎI

43. Có xảy ra vấn đề chảy máu chất xám đối với các nhà nghiên cứu hoặc nhà khoa học ở nước bạn hay không? Nếu có thể, hãy bình luận và cung cấp số liệu mô tả mức độ và bản chất của vấn đề. Xu hướng phát triển theo thời gian của vấn đề này là gì (cụ thể là tăng hay giảm)? *Câu hỏi này đòi hỏi sự đánh giá chủ quan và vì thế sẽ rất hữu ích nếu Nhóm công tác về kiểm toán sở hữu trí tuệ có thể thu thập được và xem xét càng nhiều ý kiến phản hồi càng tốt và coi đó là những đóng góp hữu ích cho vấn đề này.*
44. Hiện tại, có chính sách khuyến khích hay chiến lược nào để chấm dứt tình trạng chảy máu chất xám hoặc để thu hút chất xám hay không? (ví dụ, thu nhập, hỗ trợ nhà ở, các chính sách cho phép sở hữu tài sản trí tuệ, giảm thuế thu nhập từ khai thác tài sản sở hữu trí tuệ). Nếu có, hãy mô tả hệ thống này và nếu có chính sách, hãy gửi cho Nhóm công tác một bản sao.
45. Tương quan giữa phần thưởng về kinh tế và xã hội dành cho các chuyên gia khoa học và kỹ thuật so với các thị trường cạnh tranh có thể thu hút các nhà chuyên gia này như thế nào?
46. Hiện tượng chảy máu chất xám có lan sang các ngành văn hoá không? (ví dụ nhạc sỹ, nghệ sỹ, nhà văn, người biểu diễn, quản lý, v.v.).
47. Có nghiên cứu nào được thực hiện về tương quan giữa các phần thưởng kinh tế và xã hội dành cho các nhà sáng tạo văn hoá so với các thị trường cạnh tranh có thể thu hút họ không? Nếu có, hãy gửi cho Nhóm công tác một bản sao; nếu không, hãy cung cấp các số liệu liên quan hoặc các đánh giá khách quan.
48. Trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật, có chương trình hỗ trợ nào cho phép các nhà nghiên cứu cá nhân hoặc được nhà nước tài trợ được nhận quyền sở hữu tài sản trí tuệ hoặc các phần thưởng khác liên quan đến sở hữu trí tuệ đối với kết quả nghiên cứu của mình không? (ví dụ, nhận phần trăm

tiền thù lao từ việc chuyển giao quyền sử dụng sở hữu trí tuệ hoặc sở hữu cổ phần trong các doanh nghiệp kinh doanh công nghệ).

49. Các nhà sáng tạo văn hóa có nhận được sự hỗ trợ đầy đủ từ Chính phủ hoặc khu vực tư nhân trong việc sản xuất, tiếp thị và phân phối các sản phẩm của họ hay không? *Câu hỏi này đòi hỏi sự đánh giá chủ quan và vì thế sẽ rất hữu ích nếu Nhóm công tác về kiểm toán sở hữu trí tuệ có thể thu thập được và xem xét càng nhiều ý kiến phản hồi càng tốt và coi đó là những đóng góp hữu ích cho vấn đề này.*
50. Có chiến lược “thu hút chất xám” nhằm thu hút các học giả, nhà sáng tạo, nhà khoa học, nhà công nghệ có trình độ cao vào các lĩnh vực (Nhóm) chủ chốt bằng cách trao phần thưởng, khuyến khích, cất nhắc vị trí công tác, v.v. không? Nếu có, hãy mô tả.
51. Có chiến lược “kiểu Do Thái” nhằm khuyến khích các học giả, các nhà khoa học và các nhà kỹ thuật của nước bạn đang sống ở nước ngoài hỗ trợ giáo dục và phát triển khoa học công nghệ quốc gia không? Nếu có, hãy mô tả.
52. Liên quan đến phản hồi cho những câu hỏi của phần về chảy máu chất xám này, hãy cho biết quan điểm của bạn về việc liệu nước bạn có thể làm gì hơn nữa để giải quyết vấn đề này và đưa ra các gợi ý. *Câu hỏi này đòi hỏi sự đánh giá chủ quan và vì thế sẽ rất hữu ích nếu Nhóm công tác về kiểm toán sở hữu trí tuệ có thể thu thập được và xem xét càng nhiều ý kiến phản hồi càng tốt và coi đó là những đóng góp hữu ích cho vấn đề này.*

## VÍ DỤ

- Nhằm thu hút các nhà nghiên cứu sang châu Âu và giữ các nhà khoa học tài năng không rời châu lục này, vào tháng 12/2003 các nhà hoạch định chính sách của **Liên minh châu Âu** (EU) đã đề ra các sáng kiến ngắn hạn và dài hạn nhằm nâng cao việc tạo ra việc làm và giảm lao động chân tay trên khắp châu Âu. Những biện pháp này đặc biệt quan trọng đối với mục tiêu đến năm 2010 tăng ngân sách sử dụng cho các hoạt động nghiên cứu triển khai tổng thể lên tới 3% tổng sản phẩm quốc nội, một kế hoạch “sẽ cần bổ sung thêm 700.000 nhà nghiên cứu đến cuối thập kỷ”. Xem thêm tại <http://www.biomedcentral.com/news/20031215/02> và <http://www.Biomedcentral.com/news/20030724/05/>

**Ireland** đã thông qua chiến lược “thu hút chất xám” với tuyên bố “Chính phủ Ireland nhận thấy rằng việc xây dựng cơ sở hạ tầng khoa học mạnh là một trong biện pháp đầu tư tốt nhất vì chúng có thể đóng góp cho nền kinh tế trong tương lai, [và] Chính phủ đang quyết tâm theo đuổi chiến lược này”. Chiến lược thu hút các nhà khoa học trong các lĩnh vực mục tiêu (Phát triển nguồn nhân lực cho các lĩnh vực chủ chốt có tính chiến lược quốc gia): "Kế hoạch của SFI là sử dụng 646 triệu EURO (tương đương với 770 triệu đô la Mỹ) trong giai đoạn 2000 – 2006 đầu tư cho các nhà nghiên cứu hàn lâm và các nhóm nghiên cứu về công nghệ sinh học và công nghệ thông tin và viễn thông".

<http://www.biomedcentral.com/news /20040525/04/>.



# **PHẦN VI.**

## **CHÍNH SÁCH VÀ VIỆC SỬ DỤNG HỆ THỐNG SỞ HỮU TRÍ TUỆ CỦA DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ (SME)**

Phần này của Công cụ kiểm toán sở hữu trí tuệ đánh giá sự hỗ trợ của Chính phủ trong việc trợ giúp các doanh nghiệp áp dụng chiến lược và quản lý sở hữu trí tuệ vào kế hoạch kinh doanh và xây dựng kế hoạch của doanh nghiệp. Các chương trình bộc lộ sáng chế, tặng thưởng cho nhà sáng chế, chương trình vườn ươm công nghệ, kiểm toán và định giá sở hữu trí tuệ cũng nằm trong các chính sách nêu trên.

## CÂU HỎI

53. Tỷ lệ các doanh nghiệp vừa và nhỏ (SME) trong tổng số các doanh nghiệp? Hiện đã có chiến lược/kế hoạch/chương trình SMEs quốc gia không?
54. Nếu có, chương trình có bao gồm các hoạt động cụ thể nhằm thúc đẩy việc sử dụng hệ thống sở hữu trí tuệ (nộp đơn đăng ký bảo hộ và sử dụng sở hữu trí tuệ như là một phần của kế hoạch hoặc chiến lược kinh doanh) của SMEs chưa? SMEs đã có một đầu mối rõ ràng, công khai, dễ tiếp cận và chi phí thấp để giải quyết các vấn đề và yêu cầu hỗ trợ liên quan đến sở hữu trí tuệ không?
55. SMEs có sử dụng hệ thống bảo hộ sở hữu trí tuệ quốc gia đối với sáng chế, nhãn hiệu, quyền tác giả và các hệ thống khác không? Nếu có, đã có chỉ số nào để đánh giá mức độ sử dụng không? Nếu không, hãy nêu các nguyên nhân chính.
56. SMEs có sử dụng hệ thống quốc tế bảo hộ sở hữu trí tuệ đối với sáng chế, nhãn hiệu, quyền tác giả và các hệ thống khác hoặc trực tiếp nộp đơn yêu cầu bảo hộ tại các nước khác không? Nếu không, hãy nêu các nguyên nhân chính.
57. Có chương trình hỗ trợ tài chính (cho vay, cấp miễn phí, miễn thuế, quỹ, bảo lãnh,...) cho SMEs để bù đắp các chi phí nộp đơn và theo đuổi đơn và/hoặc chi phí pháp lý của việc bảo hộ sở hữu trí tuệ không?
58. Chính sách SMEs có tập trung vào việc thúc đẩy tiếp thị các sản phẩm ở thị trường trong nước và/hoặc thị trường xuất khẩu không? Nếu có, chính sách đó có thúc đẩy việc sử dụng sở hữu trí tuệ trong hoạt động tiếp thị và xây dựng thương hiệu cho sản phẩm (ví dụ, nhãn hiệu hoặc kiểu dáng công nghiệp) không?
59. Có các cơ quan/tổ chức phát triển xuất khẩu hay xúc tiến thương mại không? Nếu có, các cơ quan/tổ chức này có quan tâm đến việc sử dụng hệ thống sở

hữu trí tuệ để nâng cao khả năng tiếp cận với và/hoặc sự độc quyền tại và/hoặc nâng cao thị phần/lợi nhuận tại các thị trường xuất khẩu không?. Các Phòng Thương mại và Công nghiệp và các tổ chức xã hội (ví dụ như tổ chức quản lý tập thể, hội nghề nghiệp) có tập trung vào nhu cầu và các mối quan tâm liên quan đến sở hữu trí tuệ của các thành viên/người ủng hộ của họ không và có dành một số loại trợ giúp cho các doanh nghiệp và SME trong lĩnh vực này không?

60. Hiện tại, có chương trình đào tạo nâng cao kiến thức, kỹ năng và năng lực của các chuyên gia tiếp thị và xuất khẩu trong việc sử dụng hệ thống sở hữu trí tuệ nhằm nâng cao năng lực xuất khẩu của SME không? Chính phủ có cung cấp hoặc hỗ trợ nhu cầu đào tạo hoặc phát triển nguồn nhân lực của các doanh nghiệp và SME không? Việc đào tạo có hướng đến việc sử dụng chiến lược dựa trên sở hữu trí tuệ nhằm phát triển, cấp vốn và thực hiện các kế hoạch và chiến lược kinh doanh không?
61. Bạn có thể đánh giá mức độ tham gia của SME trong hoạt động nghiên cứu và phát triển/đổi mới không? Ở đây được hiểu là mọi hình thức nghiên cứu và phát triển, tuy nhiên ở mức độ vừa phải, bao gồm cải tiến sản phẩm và công nghệ cũ, cũng như ứng dụng công nghệ mới vào hoàn cảnh và nhu cầu cụ thể của địa phương.
62. SME có mối liên hệ nào với các tổ chức nghiên cứu và trường đại học để thực hiện việc chuyển giao công nghệ từ các tổ chức đó không? Hiện tại, có chương trình nào thúc đẩy việc chuyển giao đó không? Nếu một tổ chức nghiên cứu đã phát triển một sản phẩm hoặc một công nghệ có tiềm năng khai thác thương mại, các SME địa phương nói chung có đủ khả năng và sẵn sàng áp dụng và phát triển hơn nữa sản phẩm hoặc công nghệ này không? Có chương trình nào để gắn các SME có năng lực với các tổ chức nghiên cứu không?
63. SME có chính sách hoặc chiến lược sở hữu trí tuệ nhằm khuyến khích việc chia sẻ lợi ích tài chính thu được từ việc thương mại hoá tài sản trí tuệ, với các nhân viên sáng tạo/sáng chế liên quan không? Bạn có biết SME nào có chương trình bộc lộ sáng chế, trong các doanh nghiệp phân phát các mẫu tờ khai bộc lộ sáng chế và thưởng cho các nhân viên đã điền vào những tờ khai đó không? (Một tờ khai bộc lộ sáng chế là một tờ khai bí mật, đơn giản và dễ điền, mô tả sự tiến bộ hoặc cải tiến mà một nhân viên đã tạo ra trong một lĩnh vực kỹ thuật có thể có giá trị thương mại. Thông thường khi

những tờ khai này được nộp, một Ban khoa học hoặc Bộ phận quản lý của công ty sẽ nghiên cứu tờ khai đó và nếu tờ khai đó có tiềm năng, công ty sẽ thưởng cho nhân viên một số tiền thưởng vừa phải và ghi nhận công lao tại nơi làm việc. Nếu sáng chế được bộc lộ trong tờ khai có khả năng được cấp Bằng độc quyền sáng chế, nhân viên đó có thể nhận được phần thưởng khác và lớn hơn. Mục tiêu của tờ khai và chương trình này là nhằm khuyến khích nhân viên tạo ra các sáng chế, tuy nhỏ và chỉ là những cải tiến, nhằm tạo thêm giá trị cho kết quả công việc của họ và cũng cho phép ban quản lý công ty đưa ra các hành động pháp lý phù hợp để bảo vệ quyền sở hữu đối với các sáng chế). Có kế hoạch thưởng cổ phần nào nhằm đền đáp cho nhà sáng chế và nhân viên chủ chốt trong các lĩnh vực kỹ thuật bằng cổ phần hoặc các loại hình sở hữu khác không? Có các công cụ pháp lý nào cho phép công ty trao những quyền như vậy không?

## VÍ DỤ

- "*Quỹ khuyến khích đổi mới và sáng tạo*" (FAPI) nhằm thúc đẩy đổi mới trong các SME của châu Phi và hỗ trợ họ trong việc bảo hộ và khai thác thương mại hóa các ý tưởng đổi mới. Hiện tại, FAPI hoạt động trong khuôn khổ Tổ chức Sở hữu trí tuệ châu Phi (OAPI) - Cơ quan Sở hữu trí tuệ khu vực của các nước châu Phi nói tiếng Pháp và nuôi dưỡng SME và nhà sáng tạo từ các Thành viên của OAPI. Xem các thông tin chi tiết (bằng tiếng Pháp) về FAPI, mục tiêu, cấu phần chính và người hưởng lợi của Quỹ tại <http://www.oapi.wipo.net/en/index.html>.
- **Malaysia** đã thành lập một số quỹ đầu tư cho phát triển công nghệ, bao gồm "*Quỹ dành cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ*" (FSMI) nhằm hỗ trợ các SME đã có thị trường xuất khẩu và có khả năng khai thác thương mại. Xem tại <http://www.irixconsulting.com/Resource/Sources%20of%20Finance.htm> và xem thêm Chương trình Đầu tư vườn ươm công nghệ tại <http://www.mavcap.com/>.
- "*Sách trắng về SME năm 2002*" của Viện Nghiên cứu doanh nghiệp nhỏ của Nhật Bản trình bày một mối liên hệ hữu ích (tại Chương 2 và 7) liên quan đến nghiên cứu và phát triển với đăng ký sáng chế của SME và đăng ký sáng chế trong mối quan hệ cộng tác giữa trường đại học và SME, xem [http://www.chusho.meti.go.jp/hakusyo/h14/download/2002english\\_WP.pdf](http://www.chusho.meti.go.jp/hakusyo/h14/download/2002english_WP.pdf).

# **PHẦN VII.**

## **PHÁP LUẬT VÀ CÁC CHƯƠNG TRÌNH THỨC ĐÃY SÁNG TẠO VÀ ĐỔI MỚI**

Phần này nghiên cứu các chính sách và chương trình hỗ trợ sáng tạo, đổi mới và quyền sở hữu và khai thác tài sản trí tuệ. Những chính sách và chương trình này có thể bao gồm sự khuyến khích tài chính và hỗ trợ cho phát triển và thương mại hoá tài sản trí tuệ dưới hình thức trả tiền, quỹ hỗ trợ bảo hộ sở hữu trí tuệ, khuyến khích thuế, khuyến khích nhập cư, trao quyền sở hữu trí tuệ, lợi ích về cổ phiếu đền đáp cho đóng góp về tài sản trí tuệ, giải thưởng,...

## CÂU HỎI

64. Hiện có chương trình khuyến khích đổi mới nào không? Nếu có, hãy mô tả và nộp một bản sao tài liệu cho Nhóm công tác.
65. Hiện có sáng kiến hoặc cơ chế cấp vốn ở cấp độ quốc gia hoặc khu vực dành cho sáng kiến của Chính phủ, tổ chức nghiên cứu và phát triển hoặc khu vực tư nhân không?
66. Hiện có văn bản pháp luật và quy định ưu đãi về thuế nào cho các hoạt động R&D tại nước bạn hay không? Những văn bản pháp luật và quy định này có liên quan đến Nhóm mục tiêu (xem Phần III ở trên) không? Nếu có, hãy xác định và nộp một bản sao cho Nhóm công tác.
67. Hiện có các văn bản pháp luật hay quy định quy định về khuyến khích nhập cư đối với các nhà khoa học, nhà công nghệ hay nhà sáng tạo hoặc nguồn nhân lực quan trọng khác đến sống và làm việc tại nước bạn không? Nếu có, hãy xác định và nộp một bản sao cho Nhóm công tác.
68. Nếu có các văn bản pháp luật được đề cập tại câu hỏi 66 và 67, hãy đánh giá hiệu quả của chúng trong việc khuyến khích và hỗ trợ nghiên cứu và phát triển, và hoạt động khoa học và/hoặc văn hoá tại nước bạn. *Câu hỏi này đòi hỏi sự đánh giá chủ quan và vì thế sẽ rất hữu ích nếu Nhóm công tác về kiểm toán sở hữu trí tuệ có thể thu thập được và xem xét càng nhiều ý kiến phản hồi càng tốt và coi đó là những đóng góp hữu ích cho vấn đề này.*
69. Có những ưu đãi về kinh tế, tài chính hay thuế dành cho các nhà đầu tư địa phương và/hoặc nước ngoài trong bất kỳ lĩnh vực nào được coi là các Nhóm mục tiêu (ví dụ, nông nghiệp chuyên canh, chế biến và đóng gói nông nghiệp, năng lượng thay thế, công nghệ sinh học, du lịch văn hoá, du lịch giáo dục, công nghệ thông tin, ...) không?

70. Theo quy tắc chung, nhà sáng chế làm công cho công ty hoặc tổ chức nghiên cứu có được nhận tiền hoặc phần thưởng từ những người sử dụng lao động nếu nộp tờ khai bộc lộ sáng chế dựa trên kết quả nghiên cứu của họ không? Bạn có biết về những chương trình như thế không?
71. Theo quy tắc chung, nhà sáng chế do công ty hoặc tổ chức nghiên cứu thuê có nhận được tiền hoặc phần thưởng từ những người người sử dụng lao động nếu những người này nộp đơn đăng ký sáng chế trên cơ sở kết quả nghiên cứu của họ không? Bạn có biết về những chương trình như thế không?
72. Có chương trình nào của Chính phủ mà các doanh nghiệp hoặc tổ chức nghiên cứu được ghi nhận hoặc thưởng cho việc nộp đơn đăng ký bảo hộ sáng chế không? nộp đơn đăng ký bảo hộ nhãn hiệu không? nộp đơn đăng ký bảo hộ kiểu dáng công nghiệp không?
73. Tại các trường đại học và/hoặc các tổ chức đào tạo sau đại học, các giáo sư, sinh viên hay các học giả khác có nhận được sự khuyến khích về kinh tế vì đã sử dụng hệ thống sở hữu trí tuệ (ví dụ, nộp đơn đăng ký bảo hộ sáng chế hoặc kiểu dáng) không? Nếu có, hãy giải thích cơ chế hoạt động và nộp một bản sao cho Nhóm công tác về các điều khoản quy định những sự khuyến khích như vậy.
74. Những việc gì đã được thực hiện để khuyến khích kinh tế, tài chính, thuế và các loại ưu đãi khác cho doanh nghiệp và tổ chức nghiên cứu để cổ vũ họ nộp đơn đăng ký và sử dụng hệ thống sở hữu trí tuệ?
75. Các vườn ươm và/hoặc công viên khoa học và công nghệ đã được thành lập để hỗ trợ các doanh nghiệp và tổ chức nghiên cứu và triển khai về các vấn đề liên quan đến sở hữu trí tuệ, vấn đề tiếp thị, sản xuất thử nghiệm và khai thác thương mại chưa? Nếu có, họ cung cấp loại dịch vụ nào? Các trung tâm đó phục vụ bao nhiêu khách hàng trong một năm? Trung tâm cung cấp dịch vụ cho loại khách hàng nào và cho loại sản phẩm của lĩnh vực công nghệ (ví dụ như doanh nghiệp nhỏ, cá nhân, tổ chức nghiên cứu tại lĩnh vực XYZ) nào?

## VÍ DỤ

- "*Luật Phục hồi công nghiệp của Bộ Kinh tế, Thương mại và Công nghiệp*' của **Nhật Bản** cho phép các công ty nắm giữ quyền sở hữu trí tuệ thu được đối với các hoạt động nghiên cứu do Chính phủ tài trợ (Luật Bayh-Dole của Nhật Bản) và dành cho một số miễn áp dụng một số điều kiện trong luật thương mại và các biện pháp tài chính như giảm phí đăng ký sáng chế cho các văn phòng chuyên giao công nghệ, cho vay với lãi suất thấp và bảo lãnh, khuyến khích thuế,... Xem tại <http://www.meti.go.jp/english/information/data/cIP9971e.html>.
- Tại **Singapore**, "*Vườn ươm doanh nghiệp Trường Đại học quốc gia Singapore*" (NBI) tại địa chỉ <http://www.nus.edu.sg/nvs/incubator.html> nuôi dưỡng các doanh nghiệp đầu tư mạo hiểm, khuyến khích đổi mới và phát triển kỹ năng kinh doanh của nhân viên và sinh viên. Vườn ươm cung cấp các nhà tư vấn phù hợp - những người sẽ giúp doanh nghiệp xây dựng kế hoạch kinh doanh và hoạch định chiến lược, liên kết với cộng đồng tài chính và dành được sự trợ giúp pháp lý cho các hoạt động đầu tư mới.



# **PHẦN VIII.**

## **XÁC ĐỊNH THỊ TRƯỜNG VÀ CHIẾN LƯỢC**

Một phần quan trọng của chiến lược sở hữu trí tuệ là việc xác định thị trường, bao gồm việc xác định địa điểm mà công nghệ, sản phẩm hoặc tác phẩm sáng tạo mới sẽ được tạo ra, sử dụng, phân phối và thương mại hoá. Phương pháp tiếp cận, chính sách và mạng lưới cấp khu vực và tiểu khu vực cũng sẽ tạo ra cơ hội hợp tác và chia sẻ chi phí trong xây dựng, quản lý và thương mại hoá tài sản trí tuệ.

## CÂU HỎI

76. Hiện tại, các thị trường xuất khẩu chủ yếu của nước bạn là gì? Hãy mô tả và cung cấp các số liệu thống kê về thị trường xuất khẩu hiện tại theo tỷ lệ phần trăm của mỗi thị trường và theo từng lĩnh vực trong vòng 10 năm gần đây?
77. Hiện tại, có dịch vụ hay công ty nào nghiên cứu thị trường và phân tích năng lực cạnh tranh cho SME, các doanh nghiệp khác, các tổ chức nghiên cứu, cơ quan chính phủ và giới hoạch định chính sách không? Hãy xác định những dịch vụ này và đánh giá số lượng và phạm vi đã đủ đáp ứng nhu cầu chưa. *Câu hỏi này đòi hỏi sự đánh giá chủ quan và vì thế sẽ rất hữu ích nếu Nhóm công tác về kiểm toán sở hữu trí tuệ có thể thu thập được và xem xét càng nhiều ý kiến phản hồi càng tốt và coi đó là những đóng góp hữu ích cho vấn đề này.*
78. Hiện có các nỗ lực nhằm tìm kiếm biện pháp thúc đẩy việc khai thác thương mại về hàng hoá và/hoặc dịch vụ sở hữu trí tuệ và/hoặc dựa trên sở hữu trí tuệ ở cấp độ khu vực và/hoặc tiểu khu vực không?
79. Hiện có các nỗ lực nhằm tìm kiếm các biện pháp xác định và thúc đẩy việc khai thác thị trường xuất khẩu mới, đặc biệt trong các lĩnh vực chủ chốt có ý nghĩa kinh tế lớn (các Nhóm mục tiêu) không?
80. Đã có phân tích nào được thực hiện về các thị trường có thể chuyển giao quyền sử dụng những tài sản trí tuệ được phát triển và tiếp thị trong các lĩnh vực chủ chốt (Nhóm mục tiêu) chưa?

81. Các nhà sáng chế trong nước có gặp khó khăn gì trong việc nộp đơn đăng ký sáng chế tại nước khác trong khu vực không? Khó khăn nào là lớn nhất và phổ biến nhất? *Câu hỏi này đòi hỏi sự đánh giá chủ quan và vì thế sẽ rất hữu ích nếu Nhóm công tác về kiểm toán sở hữu trí tuệ có thể thu thập được và xem xét càng nhiều ý kiến phản hồi càng tốt và coi đó là những đóng góp hữu ích cho vấn đề này.*
82. Các nhà sáng chế trong nước có gặp khó khăn gì khi nộp đơn đăng ký sáng chế tại một nước khác ngoài khu vực không? Khó khăn lớn nhất và phổ biến nhất là gì? *Câu hỏi này đòi hỏi sự đánh giá chủ quan và vì thế sẽ rất hữu ích nếu Nhóm công tác về kiểm toán sở hữu trí tuệ có thể thu thập được và xem xét càng nhiều ý kiến phản hồi càng tốt và coi đó là những đóng góp hữu ích cho vấn đề này.*
83. Các nhà sáng chế trong nước có gặp khó khăn gì trong việc nộp đơn đăng ký nhãn hiệu tại một quốc gia khác trong khu vực không? Khó khăn nào là lớn nhất và phổ biến nhất? *Câu hỏi này đòi hỏi sự đánh giá chủ quan và vì thế sẽ rất hữu ích nếu Nhóm công tác về kiểm toán sở hữu trí tuệ có thể thu thập được và xem xét càng nhiều ý kiến phản hồi càng tốt và coi đó là những đóng góp hữu ích cho vấn đề này.*
84. Các nhà sáng chế trong nước có gặp khó khăn gì khi nộp đơn đăng ký nhãn hiệu tại một nước khác ngoài khu vực không? Khó khăn lớn nhất và phổ biến nhất là gì? *Câu hỏi này đòi hỏi sự đánh giá chủ quan và vì thế sẽ rất hữu ích nếu Nhóm công tác về kiểm toán sở hữu trí tuệ có thể thu thập được và xem xét càng nhiều ý kiến phản hồi càng tốt và coi đó là những đóng góp hữu ích cho vấn đề này.*
85. Có bất kỳ hỗ trợ tài chính hay hỗ trợ nào khác cho các đối tượng trong nước muốn bảo hộ sở hữu trí tuệ tại nước khác hoặc sử dụng hệ thống đăng ký quốc tế không? Một nhà nghiên cứu có thể nộp đơn và nhận tài trợ để thanh toán phí và lệ phí liên quan trong quá trình nộp đơn đăng ký bảo hộ sở hữu trí tuệ tại nước khác hoặc sử dụng hệ thống đăng ký quốc tế (như Hiệp ước Hợp tác sáng chế) không?
86. Có bất kỳ chương trình quốc gia hay chiến lược tiếp thị nào để phát triển và sử dụng một thương hiệu cho cả nước (thương hiệu quốc gia) và/hoặc Nhóm mục tiêu, sản phẩm và dịch vụ của nó không?

87. Các cơ quan/tổ chức phát triển hoặc xúc tiến xuất khẩu chuyên nghiệp tại nước bạn có trú trọng vào việc sử dụng hệ thống sở hữu trí tuệ nhằm nâng cao khả năng tiếp cận và sự độc quyền và/hoặc nâng cao thị phần/lợi nhuận tại các thị trường không? Nếu không, chiến lược nào được đề xuất để nâng cao tri thức, kỹ năng và năng lực của các chuyên gia xuất khẩu trong việc sử dụng hệ thống sở hữu trí tuệ nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh xuất khẩu của các doanh nghiệp địa phương?
88. Có nguồn lực tiếp thị và các chuyên gia tiếp thị giàu kinh nghiệm cho các trung tâm nghiên cứu và phát triển, SMEs, ... nhằm hỗ trợ họ trong việc nghiên cứu thị trường, xác định sản phẩm mới, thu thập thông tin về cạnh tranh/doanh nghiệp, xác định thị trường mục tiêu, quảng cáo, đóng gói và phân phối hàng hoá/dịch vụ của họ và tìm kiếm đối tác chiến lược, nhà cung cấp, người bán và mua li-xăng,... không?

## VÍ DỤ

- Tại **Ôttrâyli**a, hệ thống sở hữu trí tuệ đã được rà soát nhằm bảo đảm sự cạnh tranh có hiệu quả trên thị trường và khuyến khích các nhà sáng tạo phát triển quy trình, kiểu dáng mới và đưa ra thị trường các sản phẩm mới. Xem "*Báo cáo tóm tắt về cạnh tranh*" của Bộ Công nghiệp, Bộ Khoa học và Nguồn lực, Bộ Tư pháp, Bộ Viễn thông, Công nghệ thông tin và Nghệ thuật tại [http://www.ipcr.gov.au/finalreport1dec/intro.html#\\_Toc498833447](http://www.ipcr.gov.au/finalreport1dec/intro.html#_Toc498833447).

# PHẦN IX.

## THƯƠNG HIỆU VÀ TIẾP THỊ

Phần IX của Công cụ kiểm toán sở hữu trí tuệ xem xét chính sách, chương trình, sáng kiến và cơ chế hỗ trợ việc tiếp thị và thương mại hoá tài sản trí tuệ như thành lập dịch vụ tiếp thị sở hữu trí tuệ tại các cơ quan sở hữu trí tuệ quốc gia nhằm tư vấn và hỗ trợ các tổ chức, SME và người nắm giữ tri thức truyền thống. Những dịch vụ này hỗ trợ tìm kiếm khả năng khai thác thương mại tài sản trí tuệ, xác định thị trường và áp dụng các kết quả nghiên cứu mới.

## CÂU HỎI

89. Hãy mô tả tất cả tổ chức công cung cấp dịch vụ và hỗ trợ xây dựng thương hiệu và tiếp thị, bao gồm nghiên cứu thị trường, thương hiệu, thiết kế đồ hoạ, lôgô,... Các tổ chức này có hỗ trợ đăng ký nhãn hiệu hoặc các loại đối tượng sở hữu trí tuệ khác không?
90. Hãy cho biết các công ty tư nhân nào cung cấp dịch vụ xây dựng thương hiệu và tiếp thị, bao gồm nghiên cứu thị trường, xây dựng thương hiệu, thiết kế đồ hoạ, lôgô,... Các công ty này có đăng ký hay hỗ trợ việc đăng ký nhãn hiệu hay các loại đối tượng sở hữu trí tuệ khác không?
91. Ở nước bạn, có các trung tâm/công viên/vườn ươm công nghệ hoặc các dịch vụ tương tự không? Nếu có, các cơ sở trên có cung cấp dịch vụ xây dựng thương hiệu và tiếp thị (ví dụ, nghiên cứu thị trường, sản xuất thử nghiệm, lập kế hoạch kinh doanh, cung cấp dịch vụ thông tin công nghệ cạnh tranh, tư vấn thương hiệu, tra cứu nhãn hiệu, môi giới đối tác,...) không?
92. Các doanh nghiệp nghiên cứu nhỏ có khó khăn gì trong việc tìm kiếm đối tác kinh doanh tại địa phương mà có thể cung cấp kỹ năng tiếp thị và thương mại hoá tại thị trường nội địa, khu vực và quốc tế không? Chẳng hạn, nếu một nhóm nghiên cứu tìm ra một sản phẩm có tính đột phá kỹ thuật về, ví dụ như năng lượng mặt trời, họ có thể tiếp cận với ai để xây dựng quan hệ đối tác để thương mại hoá công nghệ đó và tạo ra kênh phân phối cho công nghệ đó?
93. Hiện tại, có sáng kiến xây dựng thương hiệu quốc gia nào tại nước bạn không? Nếu có, hãy mô tả. Một chương trình thương hiệu quốc gia dựa vào chủ đề "xã hội tri thức" có thể áp dụng tại nước bạn không? Một chủ đề như vậy có thể liên quan đến các sản phẩm và/hoặc dịch vụ chuyên biệt (ví dụ trong lĩnh vực du lịch, du lịch giáo dục và du lịch văn hoá) không?

94. Hiện tại, có chương trình của Nhà nước hay tư nhân nào nhằm xây dựng các thương hiệu hàng đầu chuyên biệt (chẳng hạn, một chương trình của Phòng Thương mại nhằm giúp doanh nghiệp phát triển và sử dụng thương hiệu chuyên biệt để nâng cao giá trị của sản phẩm tại các thị trường xuất khẩu) không? Nếu có, hãy mô tả.

## VÍ DỤ

- Dấu "*Sản phẩm vùng Caribe*" đã được xây dựng như là một phần trong sáng kiến của **Cơ quan Phát triển xuất khẩu Caribe** nhằm tạo ra sự khác biệt, qua đó sản phẩm CARIFORUM thật có thể được dễ dàng nhận ra trên thị trường, nhằm nâng cao lợi thế cạnh tranh trên thị trường khu vực và quốc tế. Dấu này được sử dụng cho các công ty có sản phẩm xuất khẩu phù hợp với quy tắc xuất xứ và đảm bảo tiêu chuẩn chất lượng. Dấu này cũng sử dụng cho các công ty cung cấp dịch vụ. Xem tại [http://www.carib-export.com/index.php3?page\\_id=5015](http://www.carib-export.com/index.php3?page_id=5015)
- Sáng kiến thương hiệu bản địa của **Samoa**. Là một phần của Chương trình Phát triển du lịch 4 năm (2002-2006) của Cơ quan Du lịch Samoa nhằm xây dựng một ngành du lịch bền vững, logo mới của quốc gia ("*Hòn đảo ngọc của Nam Thái Bình Dương*") và thương hiệu đã được công bố, dựa vào các đặc điểm chính thu hút du khách tới Samoa. Xem tại <http://www.visitsamoa.ws/>.





# PHẦN X. TIÊU CHUẨN VÀ CHỨNG NHẬN

Tiêu chuẩn liên quan đến sở hữu trí tuệ vì chính tiêu chuẩn quy định trình độ sản xuất, khả năng liên kết hoạt động; tiêu chuẩn vệ sinh, an toàn và trình độ sản xuất cần phải được tuân thủ nếu muốn tiến hành kinh doanh một cách có hiệu quả. Đồng thời, các doanh nghiệp thường theo đuổi các chiến lược kinh doanh để có được một tài sản trí tuệ liên quan đến tiêu chuẩn mà các doanh nghiệp khác khó có thể thực hiện được mà không xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ của doanh nghiệp; do vậy, các doanh nghiệp khác phải trả phí hoặc tuân theo tiêu chuẩn đó. Nếu không, các doanh nghiệp khác có thể lựa chọn việc trả phí cho tài sản trí tuệ liên quan và nâng cao trình độ kỹ thuật; đôi khi, việc này được đề cập đến như là một chiến lược mang tính bước đệm. Tiêu chuẩn cũng rất quan trọng đối với hoạt động xuất khẩu vì thông thường, không thể xuất khẩu hàng hoá nếu hàng hoá đó không đạt các tiêu chuẩn quy định (ví dụ, việc xuất khẩu thực phẩm cần đáp ứng các tiêu chuẩn và việc xuất khẩu các sản phẩm công nghệ thông tin hoặc cơ khí cũng cần thoả mãn các tiêu chuẩn). Tiêu chuẩn liên quan đến chứng nhận vì tiêu chuẩn thường được đặt ra và sử dụng như tiêu chí để chứng nhận một sản phẩm hoặc dịch vụ là an toàn, sạch, đạt tiêu chuẩn kỹ thuật v.v. Nhận hiệu chứng nhận chính là một bằng chứng để chứng minh với người tiêu dùng rằng sản phẩm đã đạt tiêu chuẩn và do đó tạo cơ sở cho các cơ quan về tiêu chuẩn và mạng lưới phân phối.

## CÂU HỎI

95. Có sự nhận thức hoặc/và thông tin đầy đủ về quan hệ giữa tiêu chuẩn và sở hữu trí tuệ không?
96. Có cơ quan chính phủ nào quản lý việc chứng nhận và sử dụng tiêu chuẩn không? Nếu có, các cơ quan đó có chuyên về một lĩnh vực công nghiệp hoặc kỹ thuật (ví dụ, tiêu chuẩn trong nông nghiệp khác với tiêu chuẩn trong lĩnh vực công nghệ thông tin) không? Các cơ quan quản lý tiêu chuẩn đó có hỗ trợ các doanh nghiệp vừa và nhỏ, các trung tâm nghiên cứu v.v. trong việc xác định và đáp ứng các tiêu chuẩn không?
97. Chính sách/chiến lược cho doanh nghiệp vừa và nhỏ (SME) của nước bạn có khuyến khích việc duy trì và nâng cao chất lượng quy trình sản xuất và sản phẩm, ví dụ thông qua việc áp dụng các công nghệ, phương pháp hoặc tiêu chí quản lý hiện đại như quản lý chất lượng tổng thể (TQM), không ngừng nâng cao chất lượng (CQI), ISO 9000 hoặc ISO 14000 hay tiêu chí quản lý phân tích rủi ro và báo cáo (HACCP) không?

98. Các cơ quan quản lý tiêu chuẩn quốc gia có chính sách rõ ràng về việc thông báo, chuyên nhượng/sử dụng, khai thác và thực thi quyền sở hữu trí tuệ liên quan đến việc xây dựng các tiêu chuẩn bắt buộc và/hoặc tiêu chuẩn tự nguyện cho sản phẩm không?
99. Khi thoả thuận các hợp đồng nhập khẩu hàng hóa hoặc dịch vụ, các nhà thương thuyết có kiến thức về tiêu chuẩn và sở hữu trí tuệ và ý nghĩa của chúng không?
100. Trong mối liên hệ với kế hoạch và chiến lược kinh tế quốc gia, đặc biệt là trong việc xem xét các Nhóm mục tiêu (xem phần III), có đánh giá nào được thực hiện về tài sản trí tuệ có trên thị trường tiềm năng và ở đó những tiêu chuẩn công nghiệp có được áp dụng không?
101. Có sử dụng nhãn hiệu để thể hiện sự tham gia vào một liên hiệp, tổ chức tập thể hay một mạng lưới không? Hoặc để thể hiện sự tuân thủ một tiêu chuẩn nào đó không? Hoặc để thể hiện việc tham gia vào một chương trình tiếp thị chung không?
102. Các nhãn hiệu chứng nhận có được sử dụng để thể hiện sự tham gia vào một liên hiệp, một tổ chức tập thể hoặc một mạng lưới không? Hoặc để thể hiện sự tuân thủ một tiêu chuẩn nào đó không? Hoặc để thể hiện một chương trình tiếp thị chung không? Việc đăng ký nhãn hiệu chứng nhận có gì đặc biệt so với nhãn hiệu không?
103. Hiện tại, có tổ chức công nghệ nào hoạt động hiệu quả ở nước bạn không? Nếu có, tổ chức đó có chiến lược sở hữu trí tuệ nào nhằm bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ không?

## VÍ DỤ

- Ở **Jamaica**, Cơ quan Xúc tiến thương mại Jamaica (JAMPRO) và Cơ quan Tiêu chuẩn Jamaica (JBS) đã thành lập Quỹ hiện phân tích về các điểm kiểm soát rủi ro (HACCP) nhằm cung cấp các khoản vay dài hạn để hỗ trợ cho các nhà chế biến nông sản tuân thủ tiêu chuẩn vệ sinh thực phẩm quốc tế. Xem: <http://www.investjamaica.com/sectors/manu/>
- Ở **Ấn Độ**, thực hiện chính sách chế biến thực phẩm năm 2002, nhiều cơ quan chính phủ đã hỗ trợ tài chính và kỹ thuật nhằm giúp đỡ các doanh nghiệp kinh doanh sản phẩm nông nghiệp. Ví dụ như hỗ trợ 50% chi phí

cho việc đảm bảo chất lượng và hệ thống quản lý chất lượng như ISO 9000, ISO 14000, HACCP, TQM, v.v., nhằm nâng cao chất lượng và quản lý chất lượng đối với các nhà sản xuất và chế biến sản phẩm nông nghiệp. Xem <http://www.indiainbusiness.nic.in/indian-states/haryana/foodprocessing.htm>.

- Để xem xét chương trình tiếp thị một nhãn hiệu nhằm thể hiện sự tuân thủ các tiêu chuẩn nhất định liên quan đến các hoạt động thương mại và nghề nghiệp đã được hãng Max Havelaar thực hiện hãy vào trang web: <http://www.maxhavelaar.org/>.

# **PHẦN XI.**

## **PHÁP LUẬT SỞ HỮU TRÍ TUỆ, PHÁP LUẬT VÀ CÁC QUY ĐỊNH KHÁC LIÊN QUAN ĐẾN HỆ THỐNG SỞ HỮU TRÍ TUỆ VÀ THỰC THI**

Phần này của Công cụ kiểm toán sở hữu trí tuệ giải quyết vấn đề (i) pháp luật và quy định nội dung liên quan đến việc cấp và bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ, bao gồm các quy định giúp pháp luật quốc gia đáp ứng các cam kết và nghĩa vụ quốc tế và phù hợp với nhu cầu quốc gia; và (ii) pháp luật và các quy định không liên quan đến việc tạo ra hay bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ nhưng liên quan đến việc thúc đẩy sáng tạo, phát triển, quản lý và thương mại hoá tài sản trí tuệ và có hiệu lực thực tiễn để khuyến khích sự phát triển kinh tế dựa trên sở hữu trí tuệ và tri thức.

## CÂU HỎI

104. Hiện tại, có bất kỳ khó khăn hoặc thiếu sót nào của pháp luật hoặc các quy định về sở hữu trí tuệ có tác động bất lợi đến năng lực của các doanh nghiệp, cá nhân, tổ chức nghiên cứu và các đối tượng khác liên quan đến việc sử dụng hệ thống sở hữu trí tuệ không?
105. Việc thực thi pháp luật sở hữu trí tuệ hiện nay có thoả đáng không, nếu xét trên khía cạnh khuyến khích chủ sở hữu tài sản trí tuệ ở các địa phương hoặc chủ sở hữu tiềm năng và các nhà đầu tư nước ngoài tin tưởng vào hệ thống sở hữu trí tuệ? *Câu hỏi này đòi hỏi sự đánh giá chủ quan và vì thế sẽ rất hữu ích nếu Nhóm công tác về kiểm toán sở hữu trí tuệ có thể thu thập được và xem xét càng nhiều ý kiến phản hồi càng tốt và coi đó là những ý kiến hữu ích cho vấn đề này.*
106. Chủ sở hữu quyền sở hữu trí tuệ ở địa phương có thể đến cơ quan nhà nước nào để đề nghị giúp đỡ, tư vấn hoặc hỗ trợ khi họ nghi ngờ rằng quyền của họ bị xâm phạm không?
107. Nước bạn đã tiến hành những biện pháp gì trong 10 năm qua để tăng cường thực thi quyền sở hữu trí tuệ?
108. Ngoài luật sở hữu trí tuệ cơ bản, có luật hay quy định nào khác khuyến khích các nhà sáng chế và nhà sáng tạo sử dụng hệ thống sở hữu trí tuệ (ví dụ, các khoản vay với lãi suất thấp, thu nhập và phần thưởng, tài trợ cho các hoạt động liên quan đến sở hữu trí tuệ, bao gồm việc đạt được quyền sở hữu trí tuệ, sản xuất thử nghiệm và tiếp thị, tài trợ nghiên cứu và phát triển hỗ trợ cho các hoạt động văn hoá, sản xuất v.v.) không?

## VÍ DỤ

- Tháng 4 năm 2002, hệ thống thuế của **Vương quốc Anh** đã được thay đổi và cho phép một số khoản chi nhất định cho sở hữu trí tuệ được phép khấu trừ thuế để hỗ trợ các doanh nghiệp sở hữu tài sản trí tuệ (xem <http://www.wedlakebell.com/pdfs/Taxation.pdf>). Để biết tổng thể vấn đề này, xem phần "*Giải pháp cho sở hữu trí tuệ và sự thiện chí*" tại [http://www.iccwbo.org/home/statements\\_rules/statements/2003/differences\\_between\\_taxation\\_and\\_accounting.asp](http://www.iccwbo.org/home/statements_rules/statements/2003/differences_between_taxation_and_accounting.asp).
- Tại **Philippines**, "*Luật về các nhà khoa học, kỹ sư, nghiên cứu viên và cán bộ trong lĩnh vực khoa học và công nghệ của Chính phủ*" (Luật số S439 của Cộng hòa Philippines) đã được thông qua nhằm giải quyết vấn đề thiếu sự khuyến khích đối với các nhà khoa học, nhà nghiên cứu viên và cán bộ trong lĩnh vực khoa học và công nghệ của chính phủ, cũng như các lĩnh vực công khác. Cụ thể là Luật này cho phép trả thù lao cho các dịch vụ tư vấn, chia sẻ thù lao, quy định về trợ cấp rủi ro, phần thưởng, học bổng và trợ cấp và các lợi ích khác dành cho những người làm việc trong lĩnh vực khoa học và công nghệ. Luật cũng quy định việc thành lập Ủy Ban khoa học và Công nghệ của Quốc hội để xem xét lại và đánh giá, ngoài các vấn đề khác, thực trạng phát triển nguồn nhân lực của Philippines về khoa học và công nghệ. Xem: <http://www.chanrobles.com/republicactno8439.htm>





# PHẦN XII.

## QUẢN LÝ SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Quản lý hiệu quả sở hữu trí tuệ là một yếu tố quan trọng trong chiến lược quốc gia về sở hữu trí tuệ. Các chương trình hướng tới khách hàng và khách hàng tiềm năng của Cơ quan Sở hữu trí tuệ cần được xây dựng và thử nghiệm. Các nguyên tắc về xây dựng tổ chức có thể làm cho việc phát triển và quản lý tài sản trí tuệ hiệu quả hơn bằng cách cho phép kết hợp chính sách liên quan đến đổi mới với phát triển tài sản trí tuệ thông qua chính phủ hoặc một doanh nghiệp. Những nguyên tắc đó có thể bao gồm cả nguyên tắc phối hợp và/hoặc thống nhất cơ quan sở hữu công nghiệp và cơ quan bản quyền; phối hợp giữa các Bộ hoặc các cơ quan chính phủ khác phụ trách nghiên cứu và triển khai và tài sản sở hữu trí tuệ (ví dụ: Giáo dục, Thương mại, Tư pháp); hoạt động của các cơ quan do pháp luật quy định hoặc các cơ quan sở hữu trí tuệ; cơ chế phối hợp của chính phủ trong thực hiện kế hoạch/chiến lược hay chính sách quốc gia về sở hữu trí tuệ (xem Phần I); cơ chế hợp tác với khu vực tư nhân (kể cả các doanh nghiệp vừa và nhỏ), ngân hàng và các tổ chức khu vực.v.v.

## CÂU HỎI

109. Cơ quan Sở hữu trí tuệ ở nước bạn có chương trình sở hữu trí tuệ dành cho các trung tâm nghiên cứu, trường đại học và tổ chức đào tạo sau đại học không? Nếu có, hãy giới thiệu về những chương trình đó.
110. Cơ quan Sở hữu trí tuệ có đủ nguồn lực (tài chính và nhân lực) để có thể cung cấp dịch vụ cho các trung tâm nghiên cứu, trường đại học và tổ chức đào tạo sau đại học (ví dụ, dịch vụ về thông tin sáng chế và kỹ thuật, hỗ trợ soạn thảo yêu cầu bảo hộ, hỗ trợ sản xuất thử nghiệm, v.v.) không?
111. Cơ quan Sở hữu trí tuệ có đủ nguồn lực (tài chính và con người) để có thể cung cấp các dịch vụ cho các ngành công nghiệp văn hoá nhằm hỗ trợ xây dựng chiến lược sở hữu trí tuệ không?
112. Cơ quan Sở hữu trí tuệ có cung cấp thông tin và dịch vụ tư vấn có giá trị, bao gồm các dịch vụ về kiểm toán và đánh giá sở hữu trí tuệ, tư vấn chiến lược sở hữu trí tuệ, soạn thảo đơn sáng chế, thông tin sáng chế và kỹ thuật, và các chương trình hướng tới những người mới sử dụng cho các tổ chức nghiên cứu và triển khai (R&D), hiệp hội các nhà sáng chế, tổ chức quản lý tập thể, doanh nhân và doanh nghiệp vừa và nhỏ không? Nếu không, có các dịch vụ như vậy do cơ quan chính phủ khác hoặc chủ thể trong khu vực tư nhân cung cấp không? Nếu không, nước bạn có kế hoạch phát triển những dịch vụ như vậy trong các cơ quan chính phủ và/hoặc khu vực tư nhân không?

113. Hệ thống quản lý sở hữu trí tuệ có được tổ chức theo hướng tạo thuận lợi cho các cán bộ sở hữu công nghiệp và quyền tác giả có thể điều phối các hoạt động và xây dựng chính sách sở hữu trí tuệ thống nhất, phù hợp với các mục tiêu kinh tế, xã hội và văn hoá của quốc gia không?
114. Cơ quan sở hữu trí tuệ có phối hợp với các cán bộ chính phủ phụ trách các chương trình dành cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ không? Cơ quan Sở hữu trí tuệ có phối hợp với các quan chức chính phủ phụ trách về nghiên cứu và triển khai không? Các cuộc gặp gỡ giữa các cơ quan như vậy và Cơ quan Sở hữu trí tuệ có diễn ra thường xuyên không?
115. Hệ thống sở hữu trí tuệ quốc gia có được tổ chức theo hướng khuyến khích sự hợp tác giữa cơ quan quản lý sở hữu trí tuệ và cán bộ chính phủ và các Bộ phụ trách về giáo dục, chính sách công nghiệp, chính sách văn hoá, chính sách thương mại, phát triển kinh tế, khoa học và công nghệ, y tế và các vấn đề khác liên quan đến sở hữu trí tuệ không?  
*Câu hỏi này đòi hỏi sự đánh giá chủ quan và vì thế sẽ rất hữu ích nếu Nhóm công tác về kiểm toán sở hữu trí tuệ có thể thu thập được và xem xét càng nhiều ý kiến phản hồi càng tốt và coi đó là những ý kiến hữu ích cho vấn đề này.*
116. Cơ quan Sở hữu trí tuệ có thực hiện tra cứu và xét nghiệm nội dung không? Nếu có, hãy mô tả quá trình đó. Cơ quan Sở hữu trí tuệ có thuê nguồn lao động bên ngoài thực hiện một phần công việc tra cứu hoặc xét nghiệm không?
117. Cơ quan Sở hữu trí tuệ có sử dụng các chuyên gia kỹ thuật chuyên ngành cấp quốc gia và khu vực nhằm hỗ trợ kỹ thuật và chuyên môn khi thực hiện tra cứu và xét nghiệm không?
118. Cơ quan sở hữu trí tuệ sử dụng những cơ sở dữ liệu và/hoặc dịch vụ thông tin nào khi tiến hành tra cứu và xét nghiệm? Có sở sở dữ liệu nào trên đây được các công ty nhà nước hoặc tư nhân của địa phương hoặc khu vực tập hợp và xây dựng hay không?
119. Cơ quan Sở hữu trí tuệ có cung cấp dịch vụ tra cứu, dịch vụ tư vấn và dịch vụ thông tin kỹ thuật cho công chúng không?

## VÍ DỤ

- Năm 1998, **In-đô-nê-xi-a** đã tổ chức lại Cơ quan Sở hữu trí tuệ nhằm tăng cường sự phối hợp giữa các cơ quan, phù hợp với chính sách sở hữu trí tuệ quốc gia. Chính sách sở hữu trí tuệ của In-đô-nê-xi-a là xuyên suốt và liên quan đến nhiều cơ quan khác nhau. Xem <http://www.idipr-jica.com/policy.htm>.
- Các *Trung tâm Đổi mới* (IRCs) là hệ thống hỗ trợ đổi mới lớn nhất tại **châu Âu** dành cho việc chuyển giao công nghệ quốc tế và các Trung tâm này đã nhận được sự hỗ trợ đáng kể của Cộng đồng châu Âu (68 trung tâm IRCs khu vực nằm ở 31 nước – gồm 25 nước thành viên và các nước ở Trung và Đông Âu như Ai-xơ-len, Ix-ra-en, Na Uy và Thụy Sĩ). Hoạt động của các Trung tâm chủ yếu hướng đến các doanh nghiệp vừa và nhỏ hoạt động trong lĩnh vực công nghệ nhưng đồng thời cũng hỗ trợ cho cả các công ty lớn hơn, các viện nghiên cứu, trường đại học, trung tâm công nghệ và đổi mới. Xem <http://irc.cordis.lu/>.
- Viện Ứng dụng và Phát triển công nghệ **Philippines** (TAPI) trực thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ (DOST) có nhiệm vụ hỗ trợ các doanh nghiệp thương mại hoá các sáng chế. TAPI cung cấp dịch vụ tư vấn về công nghệ, bao gồm liên quan đến dịch vụ đăng ký bảo hộ và chuyển giao sáng chế, và cấp vốn cho doanh nghiệp. Xem <http://www.tapi.dost.gov.ph/> và <http://www.tapi.dost.gov.ph/html/ipr.php>.

# **PHẦN XIII.**

## **KHẢ NĂNG TIẾP CẬN, TÍNH BẢO MẬT VÀ SỰ TIỆN LỢI TRONG SỬ DỤNG**

Phần này của Công cụ kiểm toán sở hữu trí tuệ đề cập đến các chính sách và chương trình liên quan nhằm làm cho hệ thống sở hữu trí tuệ trở phù hợp và dễ dàng sử dụng hơn đối với các nghệ sĩ, nhà sáng chế, doanh nghiệp nhỏ và các tổ chức phi lợi nhuận v.v. (ví dụ: bằng cách giảm phí đăng ký hoặc đơn giản hoá các thủ tục). Việc xích lại gần nhau giữa các tiểu khu vực và khu vực, các chính sách và các mạng lưới có thể tạo cơ hội cho việc hợp tác và chia sẻ chi phí nhằm tăng khả năng bảo mật và làm cho việc sử dụng dễ dàng hơn.

## CÂU HỎI

120. Phí nộp đơn đăng ký sáng chế ở nước bạn là bao nhiêu? Phí duy trì hiệu lực của Bằng độc quyền sáng chế là bao nhiêu?
121. Phí nộp đơn đăng ký nhãn hiệu là bao nhiêu?
122. Lệ phí duy trì hiệu lực hàng năm của nhãn hiệu đã được đăng ký là bao nhiêu?
123. Mức phí đề cập tại mục 120 đến mục 122 có phù hợp đối với khách hàng và khách hàng tiềm năng của hệ thống sở hữu trí tuệ, đặc biệt là đối với khu vực tư nhân (các doanh nghiệp vừa và nhỏ) không?
124. Mức phí đề cập tại mục 120 đến mục 122 có phù hợp đối với khách hàng và khách hàng tiềm năng của hệ thống sở hữu trí tuệ, đặc biệt là đối với các tổ chức nghiên cứu phi lợi nhuận hoặc các trường đại học không?
125. Các doanh nghiệp vừa và nhỏ, tổ chức phi lợi nhuận và các nhà sáng chế riêng lẻ có được giảm hoặc miễn phí không? Nếu có, việc giảm phí có giải quyết thoả đáng vấn đề năng lực tài chính của người sử dụng không?
126. Mức lệ phí nộp và duy trì đơn nào là hợp lý? Các doanh nghiệp vừa và nhỏ và tổ chức nghiên cứu có khả năng chi trả những chi phí đó không?
127. Hãy đưa ra công thức hoặc tỷ lệ chi phí hợp lý nhằm đánh giá mối quan hệ giữa phí sử dụng hệ thống sáng chế với thu nhập bình quân của các doanh nghiệp vừa và nhỏ, cũng như các tổ chức nghiên cứu.

128. Có sự hỗ trợ tài chính nào dành cho các khách hàng tiềm năng (đặc biệt là các nhà nghiên cứu, các nhà sáng chế cá nhân, các tổ chức nghiên cứu và các doanh nghiệp vừa và nhỏ) về mức phí xác lập, duy trì và/hoặc thực thi quyền sở hữu trí tuệ không?
129. Việc các doanh nghiệp vừa và nhỏ và các trung tâm nghiên cứu dành một khoản ngân sách cho việc nộp đơn đăng ký sáng chế, nhãn hiệu và các đơn khác nhằm đạt được sự bảo hộ cho các tài sản trí tuệ của mình có phổ biến không?
130. Các khách hàng tiềm năng của hệ thống sở hữu trí tuệ có tin tưởng vào độ an toàn của thông tin được gửi đến Cơ quan Sở hữu trí tuệ không? Có ai lo ngại về thông tin mật của họ có thể bị bộc lộ dưới dạng đơn đăng ký bảo hộ và do vậy, sẽ đặt họ vào thế cạnh tranh bất lợi không? Họ có bày tỏ sự lo ngại về việc bộc lộ thông tin theo quy định của pháp luật trong các sáng chế được công bố không?
131. Các khách hàng tiềm năng có tin tưởng rằng các quyền sở hữu trí tuệ của họ sẽ được tôn trọng không? Hay họ thích sử dụng bí mật kinh doanh hoặc các biện pháp khác để bảo vệ sáng chế vì thiếu tin tưởng vào hệ thống sở hữu trí tuệ mà họ sẽ sử dụng?
132. Cơ quan sở hữu trí tuệ mất trung bình bao nhiêu thời gian để ra quyết định về một đơn đăng ký sáng chế? hoặc đơn đăng ký nhãn hiệu? hoặc các loại đơn đăng ký quyền sở hữu trí tuệ khác?
133. Có quy định về việc trả lời các câu hỏi của người sử dụng liên quan đến đơn và sửa chữa các sai sót không từ hệ thống sở hữu trí tuệ không?
134. Những khách hàng tiềm năng (đặc biệt là các trường đại học, trung tâm và viện nghiên cứu, và các doanh nghiệp vừa và nhỏ) có thể dễ dàng sử dụng của hệ thống sở hữu trí tuệ không? Họ có thể nộp đơn điện tử không? Họ có thể nhận được hỗ trợ trong việc giải đáp các câu hỏi không? Họ có thể dễ dàng nhận được mẫu đơn đăng ký không? Các mẫu đó có dễ đọc và dễ sử dụng không?
135. Trong thang điểm từ 1 đến 10, hãy đánh giá mức độ dễ dàng, khả năng chi trả và mức độ bảo mật của hệ thống sáng chế? Hãy đánh giá theo thang điểm đó đối với hệ thống đăng ký nhãn hiệu và hệ thống đăng ký

các đối tượng sở hữu trí tuệ khác. *Câu hỏi này đòi hỏi sự đánh giá chủ quan và vì thế sẽ rất hữu ích nếu Nhóm công tác về kiểm toán sở hữu trí tuệ có thể thu thập và xem xét càng nhiều ý kiến phản hồi càng tốt và coi đó là những ý kiến hữu ích cho vấn đề này.*

## VÍ DỤ

- Ở **In-đô-nê-xi-a** đã thành lập đưa vào hoạt động một mạng lưới rộng rãi các Văn phòng Sở hữu trí tuệ đặt tại các trường đại học và các viện nghiên cứu. Tổng cục Sở hữu trí tuệ quốc gia In-đô-nê-xi-a (DGIPR) đã đặt ra một trong các mục tiêu chủ yếu, đó là: “tăng cường sự hợp tác chặt chẽ và cùng có lợi giữa các tổ chức nghiên cứu và triển khai với các Văn phòng Sở hữu trí tuệ của các trường đại học trong khuôn khổ hoàn thiện hệ thống sở hữu trí tuệ thế giới”. Báo cáo năm 2000, DGIPR, tr.36.
- “*Quỹ đăng ký sáng chế*” (PAF) của **Singapore** được Ủy ban Khoa học và Công nghệ quốc gia thành lập và ban đầu do Cơ quan Sở hữu trí tuệ Singapore (IPOS) quản lý. Hiện nay Quỹ này có tên là PAF Cộng và do Ủy ban Phát triển kinh tế Singapore quản lý. Quỹ hỗ trợ tài chính cho những người nộp đơn nhằm giảm chi phí nộp đơn sáng chế tại Singapore và nước ngoài (ví dụ: phí nộp đơn, tra cứu và thẩm định và cấp văn bằng bảo hộ; các loại phí chuyên gia cho việc soạn thảo bản mô tả, v.v.). Mục đích của việc hỗ trợ tài chính là khuyến khích các tổ chức và cá nhân đăng ký các sáng chế và cải tiến của họ để đạt được quyền sở hữu trí tuệ và cải thiện tính cạnh tranh của môi trường kinh doanh của Singapore. Xem [http://www.sedb.com/edbcorp/sg/en\\_uk/index/startups/startupfinance/patent\\_application.html](http://www.sedb.com/edbcorp/sg/en_uk/index/startups/startupfinance/patent_application.html).
- Chính phủ **Philippines** có Chương trình hỗ trợ quyền sở hữu trí tuệ. Chương trình này hướng tới các nhà sáng chế Philippines đang định cư tại Philippines. Chương trình này hỗ trợ trong quá trình chuẩn bị, nộp đơn và theo đuổi để đạt được sự thành công của các đơn sáng chế ở Philippines, cũng như việc nộp phí duy trì hàng năm và phí gia hạn đối với sáng chế trong các lĩnh vực ưu tiên của Chính phủ cho việc sẵn sàng thương mại hoá các sản phẩm đó. Mục tiêu của chương trình là khuyến khích các hoạt động sáng tạo và đầu tư vào nghiên cứu và triển khai bằng việc bảo đảm cho nhà sáng chế về việc bảo hộ quyền và lợi ích liên quan đến sản phẩm của họ, nhằm tạo thuận lợi cho việc chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực liên quan đến lợi ích quốc gia. <http://www.tapi.dost.gov.ph/html/asstinvent.php>



# **PHẦN XIV.**

## **NHẬN THỨC CỦA CÔNG CHÚNG VỀ SỞ HỮU TRÍ TUỆ**

Phần này của Công cụ kiểm toán sở hữu trí tuệ sẽ giới thiệu các chương trình nhằm nâng cao nhận thức của công chúng và truyền thông đại chúng về sở hữu trí tuệ (phát thanh, truyền hình, báo chí và tạp chí chuyên ngành, v.v.). Mục tiêu của các chương trình này là nâng cao nhận thức về sở hữu trí tuệ và vai trò của sở hữu trí tuệ trong quá trình phát triển kinh tế.

## CÂU HỎI

136. Mức độ nhận thức của công chúng về mục đích và việc sử dụng hệ thống sở hữu trí tuệ như thế nào (cao, trung bình hay thấp)? *Câu hỏi này đòi hỏi sự đánh giá chủ quan và vì thế sẽ rất hữu ích nếu Nhóm công tác về kiểm toán sở hữu trí tuệ có thể thu thập được và xem xét càng nhiều ý kiến phản hồi càng tốt và coi đó là những ý kiến hữu ích cho vấn đề này.*
137. Mức độ nhận thức về sở hữu trí tuệ ở các tổ chức nghiên cứu, trường đại học và các doanh nghiệp vừa và nhỏ có khác nhau không (cao hơn hay thấp hơn hay giống nhau)?
138. Có chương trình nào nhằm nâng cao nhận thức về giá trị tài sản vô hình, trong đó có sở hữu trí tuệ không (chương trình phát thanh, chương trình giải thưởng)? Có chương trình nâng cao nhận thức công chúng nào giải thích tại sao sáng chế và sáng tạo là tài sản quốc gia không? Các chương trình đó có được thực hiện ở trường học và công sở không?
139. Chương trình đào tạo/giảng dạy các kỹ sư, nhà khoa học, nhà kinh tế, luật sư và nhà quản lý có trang bị những kiến thức về việc sử dụng hệ thống sở hữu trí tuệ không?
140. Trong quá trình đào tạo thợ thủ công, nông dân, nghệ sỹ tạo hình, nhà nghiên cứu, nhà khoa học, chuyên gia phần mềm, kỹ sư công nghệ, nhà doanh nghiệp, nhà thiết kế, nhà quản lý và các nhân viên quan trọng của doanh nghiệp vừa và nhỏ, giám đốc điều hành các doanh nghiệp, có hình thức đào tạo nào giải quyết các khía cạnh thực tiễn của hệ thống sở hữu trí tuệ không?

## VÍ DỤ

- Tại **Liên minh châu Âu**, Trung tâm Hỗ trợ thông tin về sở hữu trí tuệ (IPR-Helpdesk) cung cấp đầy đủ các thông tin về quyền sở hữu trí tuệ thông qua các chuyên mục và tài liệu khác nhau. Cụ thể, tại đây người sử dụng có thể tìm thấy rất nhiều hướng dẫn về sở hữu trí tuệ, ví như các nghiên cứu về các đặc điểm cơ bản của các quyền sở hữu trí tuệ. Những trang chuyên đề sẽ cung cấp một tập hợp các tài liệu về vấn đề quyền sở hữu trí tuệ liên quan, ví dụ chiến lược tra cứu thông tin sáng chế, định giá sở hữu trí tuệ, chuyển nhượng và các chỉ dẫn thủ tục khác. Xem <http://www.ipr-helpdesk.org>.
- Một tài liệu hữu ích về các chính sách đối với quyền tác giả trong các tổ chức giáo dục cao cấp ở **Vương quốc Anh** có thể được tìm thấy tại <http://www.strath.ac.uk/ces/projects/jiscipr/report.html>.



# PHẦN XV.

## GIÁO DỤC CHUYÊN MÔN VỀ SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Đối với hệ thống sở hữu trí tuệ sẽ được sử dụng, cần phải có một số nhân viên được đào tạo, có những hiểu biết mang tính thực tế và chiến lược về sở hữu trí tuệ và mối quan hệ của sở hữu trí tuệ đối với sự phát triển của nền kinh tế tri thức, ví như luật sư, đại diện sáng chế, nhãn hiệu, các cán bộ của các văn phòng sở hữu trí tuệ, các tra cứu viên và xét nghiệm viên sở hữu trí tuệ, các chuyên gia và các nhà đàm phán về li-xăng, nhân viên thực thi được đào tạo, thành viên của cơ quan luật pháp có kiến thức về sở hữu trí tuệ, các nhà tư vấn và hoạch định chính sách. Các kỹ năng về quản lý công nghệ, tiếp thị và phân phối cũng có liên quan và, trong ngành công nghiệp văn hóa, những người được đào tạo để phát triển công nghiệp văn hóa, tiếp thị và phân phối cũng rất quan trọng.

Phần này của Công cụ kiểm toán sở hữu trí tuệ sẽ xem xét phạm vi hiện diện của những nhân viên đó và phạm vi của các chương trình đào tạo về sở hữu trí tuệ.

## CÂU HỎI

141. Có bao nhiêu người đại diện hoặc tổ chức đại diện sáng chế ở nước bạn? Trong số đó, có bao nhiêu người được đào tạo và có khả năng soạn thảo yêu cầu bảo hộ sáng chế và nộp đơn đăng ký bảo hộ?
142. Hoạt động của những người được đề cập để trả lời cho câu hỏi 141 có đủ để cung cấp cho những người sử dụng tiềm năng ở nước bạn không (cụ thể là các doanh nghiệp vừa và nhỏ, các viện nghiên cứu và các nhà sáng chế độc lập)? *Câu hỏi này đòi hỏi sự đánh giá chủ quan và vì thế sẽ là rất hữu ích nếu Nhóm Công tác về kiểm toán sở hữu trí tuệ thu thập được và xem xét càng nhiều ý kiến phản hồi càng tốt và coi đó là những ý kiến hữu ích cho vấn đề này.*
143. Có chương trình đào tạo chuyên môn cho các đại diện hoặc luật sư sáng chế không?
144. Có bao nhiêu chuyên gia về li-xăng ở nước bạn? Hoạt động của họ có đủ để cung cấp cho những người sử dụng tiềm năng không? *Câu hỏi này đòi hỏi sự đánh giá chủ quan và vì thế sẽ rất hữu ích nếu Nhóm công tác về kiểm toán sở hữu trí tuệ có thể thu thập được và xem xét càng nhiều ý kiến phản hồi càng tốt và coi đó là những ý kiến hữu ích cho vấn đề này.* Có chương trình đào tạo chuyên môn nhằm phát triển kỹ năng về li-xăng không? Có các tổ chức dịch vụ chuyên nghiệp trong lĩnh vực li-xăng không?
145. Có bao nhiêu luật sư hoặc đại diện về nhãn hiệu hàng hóa?

146. Trong số đó có bao nhiêu người am hiểu về thủ tục giải quyết khiếu nại và tranh chấp về nhãn hiệu hàng hóa?
147. Hiện có chương trình đào tạo tổng hợp về chính sách và kinh doanh nào nhằm liên kết sở hữu trí tuệ với các lĩnh vực khác không (ví dụ, sở hữu trí tuệ và kinh doanh, thương mại, y tế, nông nghiệp, văn hóa, môi trường, vv...)? Có chương trình đào tạo về “quản lý công nghệ” ở các trường đại học không? Nếu có, quản lý tài sản trí tuệ có được coi là một môn học trong chương trình đó không?
148. Hiện tại, số lượng nhà tư vấn sở hữu trí tuệ hoạt động trong lĩnh vực pháp lý và kinh doanh có đủ không? Số lượng là bao nhiêu?
149. Hiện tại, ở nước bạn có chuyên gia tư vấn pháp lý, tài chính hoặc các dịch vụ khác liên quan đến định giá sở hữu trí tuệ không? Có bao nhiêu chuyên gia? Có chương trình đào tạo về các lĩnh vực đó không?
150. Hiện tại, có chuyên gia tư vấn về các dịch vụ liên quan đến sở hữu trí tuệ và tiêu chuẩn kỹ thuật không? Có bao nhiêu chuyên gia? Có chương trình đào tạo nào về lĩnh vực đó không?
151. Hiện tại, có các chuyên gia có thể cung cấp dịch vụ quản lý và kinh doanh cho các nghệ sỹ, nhạc sỹ, nhà thiết kế... muốn thương mại hóa sản phẩm nghệ thuật của mình không? Có bao nhiêu người như thế? Những người này làm việc cho nhà nước hay tư nhân? Số nhà quản lý, tư vấn viên cho hoạt động kinh doanh này có đủ để đáp ứng nhu cầu không?
152. Hiện tại, có những chuyên gia trong lĩnh vực tiếp thị, quảng bá thương hiệu hoặc các dịch vụ liên quan đến thương mại hóa các sản phẩm và dịch vụ sở hữu trí tuệ không? Số chuyên gia về tiếp thị có đủ đáp ứng nhu cầu không? Có chương trình đào tạo trong lĩnh vực này không?
153. Có các tổ chức đào tạo chuyên môn hoặc cơ quan giáo dục cấp cao nào cung cấp chương trình đào tạo về pháp lý và chuyên môn về sở hữu trí tuệ không? Hãy mô tả loại hình đào tạo hiện có? Nếu không, có thể sử dụng chương trình đào tạo tương tự hiện có trong khu vực không?

## VÍ DỤ

- *Viện Đào tạo sở hữu trí tuệ quốc tế (IIPTI)*, một tổ chức trực thuộc của Cơ quan Sở hữu trí tuệ Hàn Quốc (KIPO), được thành lập năm 1987 do Chính phủ **Cộng hòa Đại Hàn Dân Quốc** hỗ trợ hoàn toàn với nhận thức rằng quyền sở hữu trí tuệ ngày càng quan trọng trong xã hội phát triển dựa trên thông tin và tri thức. Việc thành lập IIPTI đã mang lại cho khu vực châu Á - Thái Bình Dương một cơ sở đào tạo sở hữu trí tuệ đầu tiên trong lĩnh vực này. Xem <http://www.kipo.go.kr/english/whatsnew/iiptinews/content.asp?an=424>.
- Năm 2003, **Singapore** đã thành lập *Học viện Sở hữu trí tuệ* như một đầu mối về nghiên cứu và giáo dục trong lĩnh vực sở hữu trí tuệ. Học viện đã xây dựng mối liên kết chiến lược với các viện nghiên cứu sau đại học ở Singapore với mục đích tạo dựng một môi trường khuyến khích sáng tạo, bảo hộ và khai thác tài sản sở hữu trí tuệ. Xem <http://www.ipacademy.edu.sg/>.
- Viện Công nghệ châu Á đào tạo về quản lý công nghệ, nhấn mạnh và đưa ra cách tiếp cận đa chiều về công nghệ tiên tiến. Xem <http://www.sat.ait.ac.th/mission.shtml>.
- Ở **Thụy Điển**, Trung tâm Sở hữu trí tuệ của Đại học Chalmers (CIP) chú trọng vào việc tiếp cận quản lý công nghệ một cách thực tế và đa chiều. “Là một trung tâm có chức năng do Đại học Gothenburg và Đại học Công nghệ Chalmers thành lập, CIP là điểm hội tụ các ngành quản lý, kinh tế học, luật học và công nghệ (MELT). Sự hội tụ này là một nhân tố quan trọng trong cuộc cách mạng công nghiệp, giới học thuật và trong xã hội khi chúng ta đang bước vào một thế giới ngày càng phụ thuộc vào tri thức để quyết định quyền sở hữu, thành công thị trường và phúc lợi xã hội”. Xem <http://www.cip.chalmers.se/>.
- **Nhật Bản** thúc đẩy việc giới thiệu các chương trình đào tạo đại học, sau đại học và các môn học về sở hữu trí tuệ với mục đích làm cho giáo dục về sở hữu trí tuệ trở nên hấp dẫn hơn. Xem “Chương trình Chiến lược về sáng tạo, bảo hộ và khai thác sở hữu trí tuệ” (năm 2003) ở phần trên.



# PHẦN XVI. NGUỒN TÀI TRỢ

Các nhà phát minh, nhà sáng tạo cần một nguồn tài chính để thương mại hóa và phân phối công nghệ, sản phẩm của mình. Ở nhiều nước, kể cả những nước phát triển và đang phát triển, cơ sở kinh doanh giàu có về sở hữu trí tuệ nhưng nghèo nàn về tài sản hữu hình (IARV) thường gặp khó khăn trong việc tìm kiếm một ngân hàng thương mại có thể tài trợ cho mình. Các quỹ đầu tư mạo hiểm hoặc các nhà đầu tư tư nhân là những sự lựa chọn thay thế. Ngân hàng công và ngân hàng phát triển có thể là sự lựa chọn khác để bảo đảm nguồn tài chính nhằm khuyến khích sự đầu tư nhiều hơn của những nhà tài trợ bảo thủ. Tài sản sở hữu trí tuệ có thể được coi là tài sản thế chấp khiến IARV có thể nhận được các khoản tiền đầu tư và nguồn tài trợ một cách dễ dàng hơn.

## CÂU HỎI

154. Hãy kể tên những nguồn tài trợ hiện có ở nước bạn có thể tài trợ hoặc và cấp tín dụng cho IARV.
155. Có nguồn tài trợ nào của Chính phủ cho IARV, các doanh nghiệp vừa và nhỏ (SME) và các công ty mới được thành lập để kinh doanh các sản phẩm nghiên cứu được trong các lĩnh vực kỹ thuật không?
156. Có nguồn tài trợ nào của Chính phủ dành cho IARV, SMEs và các công ty mới được thành lập trong ngành văn hóa như âm nhạc, nghệ thuật, thủ công và may mặc chuyên biệt không?
157. Hiện có các chương trình bảo lãnh các khoản vay để đầu tư vào IARV, các công ty và dự án nghiên cứu triển khai khác không (ví dụ, chương trình bảo lãnh các khoản vay của ngân hàng công và các quỹ đầu tư mạo hiểm công nhằm hỗ trợ các nhà đầu tư tư nhân nếu họ bị vỡ nợ)?
158. Có nỗ lực nào nhằm khuyến khích các ngân hàng phát triển khu vực và quốc tế đầu tư vào phát triển của công nghệ và ngành công nghiệp văn hóa địa phương không? Nếu có, hãy mô tả những nỗ lực đó. Có thể đánh giá và tiếp cận các dự án trợ giúp kỹ thuật của ngân hàng phát triển nhằm tìm kiếm cơ hội cho các chủ sở hữu quyền sở hữu trí tuệ ở địa phương không (ví dụ như dự án xây dựng hệ thống xử lý nước bằng cách sử dụng chuyên gia trong nước và quốc tế, bên nào sẽ sở hữu quyền sở hữu trí tuệ trong dự án này)?

159. Hiện có các ngân hàng thương mại cho IARV vay tiền không? Các ngân hàng này có cho các SME địa phương vay tiền không? Nếu không, tại sao? Những trở ngại thực tế đối với các khoản vay ngân hàng của các doanh nghiệp là gì?
160. Hiện có các chính sách ưu đãi mang tính pháp lý nào dành cho các nhà đầu tư trong việc đầu tư vào IARV, SME hoặc các công ty hoạt động dựa trên kết quả nghiên cứu không (ví dụ như giảm thuế, tài trợ đặc biệt, bảo lãnh)? Hiện có cuộc thảo luận hoặc xem xét nào về những biện pháp này chưa? Nếu có, hãy nêu tên và mô tả.

## VÍ DỤ

- Với mục tiêu tối thượng là hỗ trợ các nhà doanh nghiệp có sáng kiến đổi mới ở châu Âu, các quốc gia thành viên **Liên minh châu Âu (EU)** đã thông qua Sáng kiến Gate2Growth như một phần của Chương trình hỗ trợ các doanh nghiệp vừa và nhỏ/sự đổi mới nhằm tạo ra “sự tiếp cận với các nguồn tài trợ cho hoạt động sáng tạo cá nhân và các công cụ nhằm khai thác tri thức tốt hơn”. Bên cạnh đó, Sáng kiến này tập trung hỗ trợ những chủ thể có vai trò quan trọng - như các nhà đầu tư mạo hiểm vào công nghệ giai đoạn đầu, các nhà quản lý của các cơ sở giao dịch công nghiệp và phòng chuyển giao công nghệ liên kết với các trường đại học và trung tâm nghiên cứu - nhằm nâng cao năng lực của những chủ thể này trong việc trợ giúp các doanh nghiệp thông qua hệ thống hỗ trợ và trao đổi thông tin và thực tiễn điển hình ở cấp độ châu Âu. Xem <http://www.cordis.lu/finance/src/g2g.htm> và <http://www.Gate2Growth.com/>.
- **Malayxia** đã thành lập một số Quỹ đầu tư phát triển công nghệ, gồm có Quỹ Chuyên giao công nghệ (TAF), Quỹ Thương mại hóa nghiên cứu và phát triển (CRDF), Quỹ cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ (FSMI) và Quỹ Quản lý vốn kinh doanh của Ma-lay-xi-a. Quỹ cuối cùng sẽ tập trung vào “thay đổi toàn diện hướng tới một nền kinh tế tri thức hoàn toàn trước năm 2020”. Xem <http://www.miti.gov.my/industry/taf.htm> and, <http://www.matrade.gov.my/exporter/other-financial/fs-grant-crdf.htm>, [http://www.maybank2u.com.my/business/other\\_services/enterprise\\_banking/maybank/fund\\_for\\_smi.shtml](http://www.maybank2u.com.my/business/other_services/enterprise_banking/maybank/fund_for_smi.shtml) và <http://www.mavcap.com/>.



# PHẦN XVII.

## ĐỊNH GIÁ

Định giá sở hữu trí tuệ là việc xác định giá trị kinh tế của các loại hình sở hữu trí tuệ khác nhau tại một công ty đang hoạt động hoặc một doanh nghiệp mới được thành lập. Các phương pháp định giá rất quan trọng bởi lẽ các tổ chức tài trợ sẵn sàng xem xét việc đầu tư vào các công ty hoạt động trong lĩnh vực sáng tạo và nghiên cứu, nhưng lại thiếu phương pháp đánh giá giá trị tài sản trí tuệ. Họ cũng thiếu nhân lực có thể đánh giá giá trị tài sản trí tuệ.

## CÂU HỎI

161. Bằng biện pháp nào đó, Chính phủ có khuyến khích các doanh nghiệp đánh giá giá trị quyền sở hữu trí tuệ và giúp các doanh nghiệp hiểu rõ cách thức định giá quyền sở hữu trí tuệ không?
162. Có văn bản pháp luật nào quy định về việc bảo đảm các khoản thù lao tương lai liên quan tới tài sản vô hình không (ví dụ, việc chấp nhận bảo lãnh các khoản vay để nhận được một khoản thu trong tương lai có được từ hợp đồng li-xăng nhãn hiệu hoặc sáng chế)? Nếu có, (i) có cơ quan nhà nước nào (ví dụ, cơ quan quản lý kế toán hoặc cơ quan thuế) có chức năng xác định mức thù lao không? (ii) các công ty có áp dụng các phương thức định giá khác nhau không?
163. Có tổ chức tài chính nhà nước hoặc tư nhân nào chấp nhận tài sản sở hữu trí tuệ là tài sản thế chấp cho các khoản vay không?
164. Nội dung định giá tài sản trí tuệ có được giảng dạy ở các khoa luật và kinh doanh của các trường đại học hoặc các tổ chức đào tạo sau đại học không?
165. Có phương pháp định giá tài sản trí tuệ nào do một công ty thực hiện được thừa nhận khi một công ty mới hoạt động và tài sản trí tuệ chưa tạo ra sản phẩm hoặc chưa tạo ra doanh thu từ việc li-xăng?
166. Có trở ngại nào về mặt pháp lý khi các tổ chức tài chính chấp nhận sở hữu trí tuệ như tài sản thế chấp hoặc sử dụng định giá sở hữu trí tuệ để đưa ra các quyết định tài chính không?

## VÍ DỤ

- Chương 5 trong Tài liệu chiến lược của **Đan Mạch** mang tên "*Chính sách công nghiệp ở Đan Mạch. Xu hướng mới trong quyền sở hữu công nghiệp*" đã chỉ ra rằng các công ty của Đan Mạch phải nhận thức được và khai thác tiềm năng của hệ thống sở hữu trí tuệ. Để đạt được mục tiêu này, Chính phủ cần phải khuyến khích các doanh nghiệp đánh giá giá trị quyền sở hữu trí tuệ của mình và thúc đẩy sự phát triển của các phương pháp định giá tin cậy. Xem <http://www.dkpto.dk/en/publications/reports/indu%5Fpolicy/kap05.htm>.
- Nhu cầu và tầm quan trọng của việc định giá sở hữu trí tuệ đã được nhấn mạnh trong chiến lược khai thác sở hữu trí tuệ của **Nhật Bản**, và được trình bày trong "*Đề cương Chiến lược sở hữu trí tuệ*" tại [http://www.kantei.go.jp/foreign/policy/titeki/kettei/020703taikou\\_e.html](http://www.kantei.go.jp/foreign/policy/titeki/kettei/020703taikou_e.html)
- **Singapore** thúc đẩy việc quản lý tài sản sở hữu trí tuệ và trên trang web của Cơ quan Sở hữu trí tuệ nước này cung cấp một số dịch vụ trực tuyến nhằm hỗ trợ doanh nhân hiểu được cách thức quản lý tài sản trí tuệ. Liên quan đến việc định giá tài sản trí tuệ, một công cụ trên trang web có tên "SurfIP" cung cấp "Công cụ định giá trực tuyến TRRU" - một công cụ định giá sở hữu trí tuệ trực tuyến giúp chủ sở hữu ước đoán được gần đúng giá trị sở hữu trí tuệ của họ một cách nhanh chóng và đầy đủ. Xem <http://www.pl-x.com/3.2.pressreleases.12032001.shtml> và [http://www.surfip.gov.sg/sip/site/sip\\_overview.htm](http://www.surfip.gov.sg/sip/site/sip_overview.htm)





# PHẦN XVIII.

## CHUYỂN GIAO QUYỀN SỬ DỤNG (LI-XĂNG)

Chuyên giao quyền sử dụng (li-xăng) là việc một chủ sở hữu quyền sở hữu trí tuệ chuyên giao một số quyền cho người khác nhằm cho phép người đó khai thác một số khía cạnh nhất định của quyền sở hữu trí tuệ, đổi lại chủ sở hữu nhận được phí li-xăng hoặc các lợi ích khác. Trong một số trường hợp, nhận li-xăng là một biện pháp hữu hiệu để tiếp cận với công nghệ độc quyền, thường được gọi là “chuyên giao công nghệ”. Còn cấp li-xăng là một biện pháp để thu hồi lợi ích kinh tế từ việc đầu tư vào nghiên cứu & triển khai (R&D)/các hoạt động sáng tạo dưới hình thức phí li-xăng hoặc phí chuyên giao.

## CÂU HỎI

167. Ở nước bạn, có Bản danh mục hoặc cơ sở dữ liệu về hợp đồng li-xăng sở hữu trí tuệ không?
168. Các trường đại học và các tổ chức đào tạo sau đại học có đủ cơ sở hạ tầng để hỗ trợ chuyên giao quyền sở hữu trí tuệ của họ không? Các trường đại học và các tổ chức đào tạo sau đại học có tham gia vào hoạt động chuyên giao quyền sở hữu trí tuệ không?
169. Đã có tổ chức nghiên cứu và/hoặc giáo dục nào hoạt động theo ngân sách nhà nước tham gia vào các hoạt động chuyên giao quyền sở hữu trí tuệ chưa?
170. Hiện tại, có chương trình li-xăng nhãn hiệu của các doanh nghiệp địa phương trong các ngành công nghiệp văn hóa không (ví dụ, ngành xuất bản)?
171. Ở nước bạn có ngành xuất bản sách, xuất bản các ấn phẩm giáo dục hoặc các ngành xuất bản khác không? Họ có phân phối các tác phẩm có bản quyền (ví dụ, sách, sách giáo khoa) và được chủ sở hữu quyền cấp li-xăng phân phối không?
172. Những công ty nào sử dụng li-xăng phân phối để phân phối sản phẩm ở thị trường nội địa? Bạn có thể nêu tên các công ty đã sử dụng thành công việc phân phối điện tử thông qua mạng Internet hoặc sử dụng thành công li-xăng điện tử như một chiến lược tiếp thị và bán hàng không? Có chương trình nào của Chính phủ hoặc tư nhân nhằm thúc đẩy các giao dịch trực tuyến không?

## VÍ DỤ

- Ở **Guyana**, Viện Khoa học và Công nghệ ứng dụng (IAST) và Hội đồng Nghiên cứu khoa học và công nghiệp Ấn Độ (CSIR) đã xây dựng một chương trình hợp tác theo một thỏa thuận song phương giữa Chính phủ Guyana và Chính phủ Ấn Độ nhằm tạo thuận lợi cho việc chuyển giao (li-xăng) và thực hiện thương mại hóa công nghệ từ Ấn Độ sang Guyana. Guyana quan tâm đến một số công nghệ của Ấn Độ, đặc biệt là các công nghệ liên quan đến gạch, khuôn đúc, ngói, lọc nước, cây hương liệu và dược liệu, thuộc da, đồ gốm và các sản phẩm kim loại. Từ khi ký thỏa thuận vào năm 2002, 50 công ty (bao gồm các công ty nước ngoài và bản địa) đã gửi cho IAST các yêu cầu về nhiều loại máy khác nhau. Xem trang web: [http://www.iastguyana.org/iast\\_csir\\_mou.pdf](http://www.iastguyana.org/iast_csir_mou.pdf)
- Ở **Nhật Bản**, Trung tâm Thực nghiệm khoa học và công nghệ cao (CASTI) là một tổ chức chuyển giao công nghệ do Trường Đại học Tôkyô thành lập. Trên trang Web của CASTI giới thiệu một loạt các hoạt động khác nhau (ví dụ, bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ, tiếp thị, chuyển giao, phân phối tiền thù lao, v.v..) được Trung tâm thay mặt những người nghiên cứu thực hiện miễn phí nhằm cho phép tìm ra những người sử dụng phù hợp nhất đối với tài sản trí tuệ do những nhà nghiên cứu đó tạo ra. Trang Web cũng giới thiệu một số câu chuyện thành công về chuyển giao công nghệ từ trường đại học sang các ngành công nghiệp (trong mục "Tin tức và Báo cáo"). Xem trang Web: <http://www.casti.co.jp/english/about/>.
- Ở **Philippines**, Viện Phát triển và Ứng dụng công nghệ Philippines (TAPI) thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ Philippine (DOST) đã tập trung vào hỗ trợ các doanh nghiệp thương mại hóa các sáng chế. TAPI cung cấp các dịch vụ tư vấn về kỹ thuật, bao gồm các dịch vụ về sáng chế, chuyển giao và tài trợ cho các dự án đầu tư mạo hiểm. Xem trang Web: <http://www.tapi.dost.gov.ph/>.



# **PHẦN XIX.**

## **SỬ DỤNG THÔNG TIN SÁNG CHẾ VÀ DỊCH VỤ THÔNG TIN KỸ THUẬT**

Phần này của Công cụ kiểm toán sở hữu trí tuệ giới thiệu việc cung cấp thông tin có trong các sáng chế và các tài liệu kỹ thuật khác thông qua các cơ sở dữ liệu điện tử và các cơ sở dữ liệu khác, cũng như thúc đẩy việc sử dụng các thông tin này, ví dụ như để tiếp cận với tình hình công nghệ, thúc đẩy sự phát triển công nghệ, khảo sát tình trạng kỹ thuật trước khi nộp đơn đăng ký, thực hiện việc lập bản đồ sáng chế và đưa ra dự báo về công nghệ, v.v.. Thông tin sáng chế có thể được sử dụng để phát triển công nghệ mới hoặc cải tiến công nghệ, với điều kiện sáng chế đang được đề cập không có hiệu lực trên thị trường khi sản phẩm được tạo ra từ việc sử dụng sáng chế.

## CÂU HỎI

173. Công chúng có nhận thức được rằng thông tin sáng chế có thể được tiếp cận một cách miễn phí trên Internet không?
174. Cơ quan Sở hữu trí tuệ có đào tạo cho cán bộ của các trường đại học và những người làm công tác nghiên cứu về các thông tin sáng chế miễn phí từ các nguồn công cộng không?
175. Ở nước bạn, có các dịch vụ thông tin kỹ thuật không? Cơ quan Sở hữu trí tuệ có cung cấp dịch vụ thông tin kỹ thuật (đặc biệt là trong các lĩnh vực thuộc Nhóm ưu tiên của nước bạn)?
176. Các công ty tư nhân có cung cấp thông tin sáng chế hoặc dịch vụ thông tin kỹ thuật không?

## VÍ DỤ

- Trang web SurfIP của Cơ quan Sở hữu trí tuệ **Singapore** (IPOS) ([www.surfip.gov.sg](http://www.surfip.gov.sg)), có chức năng “Tra cứu SurfIP”, là một công thông tin sở hữu trí tuệ cung cấp cho người sử dụng một công cụ tra cứu tiên tiến miễn phí để tham vấn các cơ sở dữ liệu sáng chế. Ví dụ, trang Web cho phép tra cứu đến các nguồn khác nhau bằng một thao tác duy nhất (trang Web tiếp cận với cơ sở dữ liệu của Cơ quan Sáng chế châu Âu (EPO), Cơ quan Sáng chế Vương quốc Anh (UKPO), Cơ quan Sáng chế Hoa Kỳ (USPTO), Tổ chức Sở hữu trí tuệ thế giới (WIPO) và nhiều cơ quan khác ...). Xem: [http://www.surfip.gov.sg/sip/site/ip\\_home.htm](http://www.surfip.gov.sg/sip/site/ip_home.htm) và [http://www.surfip.gov.sg/sip/site/sip\\_aboutus.htm](http://www.surfip.gov.sg/sip/site/sip_aboutus.htm).
- Xem <http://www.uspto.gov>.
- Xem <http://www.espacenet.com/>.

# **PHẦN XX.**

## **CÁC CHƯƠNG TRÌNH VÀ SỰ HỖ TRỢ DÀNH CHO TRƯỜNG ĐẠI HỌC VÀ TỔ CHỨC NGHIÊN CỨU VÀ TRIỂN KHAI**

Phần này xem xét các chương trình và chính sách được đưa ra nhằm hỗ trợ các trường đại học và các tổ chức nghiên cứu và triển khai (R&D) trong việc bảo hộ và khai thác các kết quả nghiên cứu, ví dụ thông qua các Văn phòng Chuyên gia công nghệ (TLO) hoặc các cơ quan quản lý sở hữu trí tuệ.

## CÂU HỎI

177. Hiện tại, có tổ chức nghiên cứu nào, kể cả các trường đại học, các tổ chức nghiên cứu và các trung tâm R&D của nhà nước và tư nhân, sở hữu các sáng chế, nhãn hiệu và các đối tượng sở hữu trí tuệ khác không?
178. Thực trạng của việc xây dựng, quản lý và sử dụng tài sản trí tuệ trong các trung tâm nghiên cứu (kể cả việc sở hữu các kết quả nghiên cứu, định giá tài sản trí tuệ, tiếp thị và chuyển giao, sử dụng thông tin sáng chế, v.v..) như thế nào? Có văn bản nào thể hiện chính sách quốc gia về sở hữu trí tuệ đối với các tổ chức nghiên cứu và triển khai sử dụng ngân sách nhà nước, theo đó cho phép các tổ chức đó có thể định đoạt tài sản trí tuệ hay không? Chính sách đó bao gồm các chính sách và quy định về sở hữu trí tuệ liên quan đến sự hợp tác giữa khu vực nghiên cứu với khu vực tư nhân, các nghiên cứu được tài trợ; các hình thức khuyến khích các nhà nghiên cứu đăng ký bảo hộ các kết quả nghiên cứu; các hình thức bộc lộ; và việc chỉ định các bộ phận chịu trách nhiệm đầu mối cho việc hợp tác giữa khu vực nghiên cứu và các ngành công nghiệp.
179. Các tổ chức nghiên cứu có hỗ trợ hạ tầng cơ sở hoặc thiết lập cơ cấu tổ chức (ví dụ, các văn phòng chuyển giao công nghệ, các dịch vụ liên quan đến sở hữu trí tuệ, các vườn ươm doanh nghiệp/công nghệ, các công viên khoa học/công nghệ, các trung tâm cải tiến công nghệ, các trung tâm phát triển sản phẩm mới, các trung tâm phát triển mô hình mẫu, các trung tâm thử nghiệm, v.v..) hoặc đưa ra các hình thức trợ giúp khác nhằm hỗ trợ việc xây dựng, quản lý và thương mại hóa tài sản trí tuệ do các trung tâm nghiên cứu đó tạo ra hoặc đẩy mạnh mối quan hệ giữa khu vực nghiên cứu khoa học/R&D được nhà nước tài trợ cho khu vực công nghiệp tư nhân hay không?
180. Các trường đại học và các tổ chức nghiên cứu có chính sách riêng về sở hữu trí tuệ hay không? Những thách thức hiện tại đối với các chính sách đó là gì?



181. Các nhà nghiên cứu công bố trước khi đăng ký bảo hộ sở hữu trí tuệ ở mức độ nào sẽ làm tổn hại thế nào đến khả năng bảo hộ các kết quả nghiên cứu thông qua các sáng chế của họ?
182. Các nhà nghiên cứu chấp nhận các hợp đồng nghiên cứu được tài trợ đến mức độ nào nếu phải từ bỏ quyền sở hữu trí tuệ để đạt được sự tài trợ lớn hơn? Có bao nhiêu dự án nghiên cứu được tài trợ đang được triển khai, trong đó người nghiên cứu phải từ bỏ quyền sở hữu trí tuệ để nhận được thêm nguồn tài trợ? Các nhà nghiên cứu tham gia đến mức độ nào vào các dự án nghiên cứu được tài trợ hoặc các dự án nghiên cứu chung nếu vấn đề quyền sở hữu trí tuệ không được làm rõ? Tại các trường đại học hoặc tổ chức nghiên cứu, các quyết định cho phép thực hiện các dự án nghiên cứu được tài trợ mà trong đó vấn đề quyền sở hữu trí tuệ không rõ ràng hoặc trên thực tế, người nghiên cứu phải từ bỏ quyền, có được đệ trình lên cấp cao hơn để xem xét quyết định hay không?

## VÍ DỤ

- Tháng 09/ 2001, **Ôxtrâyli**a đã ban hành chính sách quốc gia và các nguyên tắc về quản lý sở hữu trí tuệ đối với công trình nghiên cứu do nhà nước tài trợ. Xem <http://www.nhmrc.gov.au/research/general/ipman.pdf>.
- Văn phòng Liên kết công nghiệp và công nghệ (INTRO) của Trường Đại học quốc gia **Singapore** (NUS) quản lý và bảo vệ các tài sản trí tuệ của NUS và cố gắng tối đa hóa lợi ích thu được từ các công nghệ được phát triển tại NUS, tạo điều kiện thuận lợi cho mối quan hệ giữa các ngành công nghiệp, các tổ chức nghiên cứu và các cơ quan chính phủ của Singapore. INTRO quản lý một Danh mục khoảng 250 hạng mục công nghệ. Văn phòng cũng đã đàm phán 150 hợp đồng li-xăng và hỗ trợ 32 công ty được thành lập trong NUS để khai thác các công nghệ mới. Xem <http://www.nus.edu.sg/intro/> và [http://www.wipo.int/innovation/en/meetings/1997/avi\\_ph/doc/ph97\\_6.doc](http://www.wipo.int/innovation/en/meetings/1997/avi_ph/doc/ph97_6.doc).

- Năm 1999, Trường Đại học Oxford nhận được một trong 15 quỹ đầu tư hạt giống được thành lập theo Kế hoạch xây dựng quỹ đầu tư hạt giống nhằm khuyến khích các trường đại học của Chính phủ **Vương quốc Anh**. Mục đích của Kế hoạch là bổ sung vào lỗ hổng tài trợ tại Vương quốc Anh trong việc cung cấp tài chính nhằm mang những kết quả nghiên cứu đến nơi mà người ta có thể đánh giá tính hữu ích về mặt thương mại của chúng và thực hiện những công việc đầu tiên nhằm bảo đảm chắc chắn tính hữu ích đó. Quỹ này hỗ trợ quá trình thương mại hóa theo một số cách khác nhau, bằng cách bảo vệ và nâng cao giá trị của tài sản trí tuệ, hỗ trợ R&D bổ sung, xây dựng những sản phẩm mẫu và chuẩn bị các kế hoạch kinh doanh kể cả các chi phí pháp lý, v.v. xem <http://www.isis-innovation.com/researchers/UCSF-1.html>

# **PHẦN XXI.**

## **THƯƠNG MẠI HOÁ**

### **TRI THỨC TRUYỀN THỐNG,**

### **NGUỒN GEN VÀ VĂN HOÁ**

### **DÂN GIAN**

Phần này của Công cụ kiểm toán sở hữu trí tuệ liên quan đến các chương trình tuyên truyền mở rộng nhằm khuyến khích các cộng đồng địa phương/bản địa tham gia vào các hoạt động giáo dục và đào tạo thông qua việc sử dụng pháp luật sở hữu trí tuệ để bảo hộ tri thức truyền thống (TK), nguồn gen và văn hóa dân gian; liên quan đến các tổ chức công lập và tư nhân hoạt động nhằm cung cấp cho các cộng đồng sự hỗ trợ và kiến thức chuyên môn về thương mại hóa tri thức truyền thống; và liên quan đến kinh nghiệm của các chủ sở hữu tri thức truyền thống và văn hóa dân gian trong việc khai thác thương mại các tài sản này dưới hình thức chuyển giao quyền sử dụng, bán hoặc các giao dịch kinh doanh khác mang lại giá trị kinh tế cho cộng đồng.

## CÂU HỎI

183. Có trường hợp nào mà sáng chế nào dựa trên tri thức truyền thống hoặc nguồn gen được bảo hộ theo pháp luật sở hữu trí tuệ quốc gia hoặc nước ngoài không?
184. Có trường hợp nào mà tác phẩm dựa trên tri thức truyền thống hoặc văn hóa dân gian được bảo hộ theo pháp luật sở hữu trí tuệ quốc gia hoặc nước ngoài về quyền tác giả giống như tác phẩm gốc thể hiện lại các vốn cổ không?
185. Có những tổ chức công lập hoặc tư nhân nào được thành lập nhằm thúc đẩy và bảo hộ văn hóa, nghệ thuật, tri thức truyền thống, văn hóa dân gian và nguồn gen không?
186. Bạn có biết trường hợp nào liên quan đến việc phía nước ngoài khai thác thương mại văn hóa, nghệ thuật, tri thức truyền thống, văn hóa dân gian và nguồn gen của địa phương hay không? Có ai nhận được bồi thường không?
187. Các chủ thể của địa phương có tham gia vào xây dựng bất kỳ cơ sở dữ liệu hoặc các chương trình làm bộc lộ và/hoặc tư liệu tri thức truyền thống, văn hóa dân gian và nguồn gen có thể mang đến những rủi ro làm bộc lộ các thông tin có giá trị không?

## VÍ DỤ

- Viện Đào tạo bản địa **Belize** (BITI) được thành lập với mục đích cung cấp các khóa đào tạo và dịch vụ trong lĩnh vực phát triển kinh tế cộng đồng và xây dựng năng lực. Kết quả của BITI là, khi các kỹ năng được nâng cao, những người dân Inuit và người dân bản địa của Belize đã tham gia vào các dự án liên doanh dài hạn có quy mô lớn hơn. Các dự án đã được BITI công bố bao gồm: sản xuất và tiếp thị nội thất làm từ các loại cây bụi độc đáo; các thầy thuốc chữa bệnh theo phương pháp truyền thống, trồng thảo dược để sử dụng theo phương pháp truyền thống và thương mại hóa nhiều sản phẩm đa dạng; quản lý các trang trại cam quýt, sản xuất và tiếp thị; đào tạo về xây dựng năng lực (phát triển dự án, đề xuất và tìm tài trợ) và xây dựng tổ chức (bao gồm quản lý văn phòng, khoa học máy tính, quản trị và lập kế hoạch); và một dự án R&D về khôi phục nền nông nghiệp truyền thống Maya. Xem: <http://www.inuitcircumpolar.com/index.php?ID=42&Lang=En>
- Bảo hộ sáng chế đối với dược phẩm được tạo ra dựa trên kiến thức y học truyền thống là một trong số các biện pháp quan trọng của việc bảo hộ y học truyền thống tại **Trung Quốc**. Xem [http://r0.unctad.org/trade\\_env/test1/meetings/delhi/Countries/text/CHINA/speech.d](http://r0.unctad.org/trade_env/test1/meetings/delhi/Countries/text/CHINA/speech.d)



# **PHẦN XXII.**

## **TÀI SẢN VĂN HOÁ VÀ SỰ PHÁT TRIỂN CỦA CÁC NGÀNH CÔNG NGHIỆP, DU LỊCH VÀ TÀI CHÍNH**

Ở nhiều nước, các ngành công nghiệp văn hóa có đóng góp đáng kể cho nền kinh tế bằng cách đóng góp vào tổng sản phẩm quốc nội (GDP), tạo việc làm và gia tăng xuất khẩu. Trong phần này, Kiểm toán sở hữu trí tuệ giới thiệu các chính sách, chương trình, hoạt động và các quỹ nhằm hỗ trợ các nhà sáng tạo và các ngành công nghiệp văn hóa.

## CÂU HỎI

188. Có chính sách quốc gia nào để phát triển, thúc đẩy và hỗ trợ các ngành công nghiệp văn hóa trong lĩnh vực âm nhạc, mỹ thuật, thủ công mỹ nghệ, khiêu vũ và các hình thức nghệ thuật nào khác không?
189. Hiện tại, các ngành công nghiệp dựa trên văn hóa chủ yếu tồn tại trong những lĩnh vực nào (ví dụ: âm nhạc, biểu diễn, mỹ thuật, nghề thủ công, nhiếp ảnh, dệt)? Các lĩnh vực khác có được nghiên cứu để tìm hiểu tiềm năng khai thác thương mại không?
190. Có một hay nhiều hiệp hội hỗ trợ và thúc đẩy sự phát triển của các ngành công nghiệp văn hóa không? Các hiệp hội đó là của quốc gia, khu vực hay quốc tế? Họ có được tài trợ bởi Chính phủ hay khu vực tư nhân?
191. Có các tổ chức thực hiện việc quản lý tập thể quyền tác giả hay không? Nếu có, thì trong lĩnh vực nào? Hãy tìm và mô tả các tổ chức đó. Các tổ chức được nêu tên để trả lời cho câu hỏi này có hiệu quả trong việc thu lợi nhuận, doanh thu và phân phối các khoản thu nhập đó cho các nghệ sĩ và các nhà sáng tạo hay không? Nếu có, hãy sử dụng các dữ liệu và số liệu thống kê thích hợp để mô tả tính hiệu quả của các tổ chức đó. Nếu không, hãy cung cấp các dữ liệu và số liệu thống kê thích hợp, cũng như sự giải thích bất kỳ về những khó khăn và thách thức mà các tổ chức đó gặp phải. *Câu hỏi này đòi hỏi sự đánh giá chủ quan và vì thế sẽ là rất hữu ích nếu Nhóm Công tác về kiểm toán sở hữu trí tuệ thu thập được và xem xét càng nhiều ý kiến phản hồi càng tốt và coi đó là những ý kiến hữu ích cho vấn đề này.*
192. Các ngành công nghiệp văn hóa có sử dụng hiệu quả nhãn hiệu và chỉ dẫn địa lý nhằm xây dựng thương hiệu và thúc đẩy công việc của họ hay không? Đề nghị cung cấp một số ví dụ và đánh giá các nhân tố dẫn đến thành công của họ hoặc sự thiếu hụt các nhân tố đó trong việc sử dụng thương hiệu của họ.



193. Có nguồn lực và chuyên gia sẵn sàng hỗ trợ cho những người hoạt động trong các ngành công nghiệp văn hóa trong việc sử dụng nhãn hiệu và chỉ dẫn địa lý không?
194. Có trường hợp nào mà các ngành công nghiệp văn hóa sử dụng nhãn hiệu chứng nhận hoặc nhãn hiệu tập thể để nhận dạng hàng hóa và/hoặc dịch vụ của mình hay không? Nếu có, hãy mô tả cụ thể. Các ngành công nghiệp văn hoá thường gặp phải những khó khăn nào trong nỗ lực sử dụng nhãn hiệu chứng nhận và/hoặc nhãn hiệu tập thể?
195. Các ngành công nghiệp văn hóa, bảo tàng, nhà sáng tạo, nghệ sỹ và những người khác tham gia vào lĩnh vực nghệ thuật có nhận thức được giá trị kinh tế của tuyển tập kỹ thuật số các tác phẩm và tầm quan trọng của quyền tác giả hợp pháp, việc bảo hộ và định giá các tuyển tập đó không? Đã có những tuyển tập hoặc các cơ sở dữ liệu của các tác phẩm nghệ thuật hoặc các tác phẩm có bản quyền được bán hoặc cấp li-xăng dưới dạng kỹ thuật số chưa? Nếu có, các quyền trong các tuyển tập đó có được xác định và định giá hay không?
196. Đã có đánh giá nào về các hình thức du lịch theo chủ đề, bao gồm du lịch văn hóa, du lịch di sản và du lịch giáo dục chưa?
197. Thách thức lớn nhất mà các nghệ sỹ, nhạc sỹ và nghệ nhân địa phương gặp phải hiện nay là gì? *Câu hỏi này đòi hỏi sự đánh giá chủ quan và vì thế sẽ rất hữu ích nếu Nhóm công tác về kiểm toán sở hữu trí tuệ có thể thu thập được và xem xét càng nhiều ý kiến phản hồi càng tốt và coi đó là những ý kiến hữu ích cho vấn đề này.*
198. Có mạng lưới các nhà sáng tạo văn hóa nhằm cung cấp các dịch vụ sở hữu trí tuệ, kinh doanh và tiếp thị hay không?

## VÍ DỤ

- Chương trình MEDIA của **Liên minh châu Âu** nhằm nâng cao khả năng cạnh tranh của ngành công nghiệp nghe nhìn và điện ảnh châu Âu với một loạt sự hỗ trợ và các biện pháp tài chính nhằm: (1) đào tạo các nhà chuyên môn (khuyến khích các sáng kiến về đào tạo ở

châu Âu nhằm cho phép các chuyên gia của ngành công nghiệp nghe nhìn nâng cao năng lực và khả năng cạnh tranh của họ trên thị trường quốc tế; (2) xây dựng các dự án và các công ty sản xuất; và (3) phân phối và quảng bá các tác phẩm điện ảnh và các chương trình nghe nhìn tại các cuộc trưng bày, hội chợ thương mại và các ngày hội về nghe nhìn. Chương trình MEDIA hỗ trợ cả trước và sau sản xuất đối với các sáng kiến liên quan được đề cập trên đây và khuyến khích tạo lập mạng lưới các nhà hoạt động châu Âu bằng cách hỗ trợ các hoạt động chung giữa các cơ quan quảng cáo quốc gia. Mức độ đóng góp tài chính nhận được sẽ không vượt quá 50% tổng chi phí hoạt động, nhưng có thể tăng lên đến 60% đối với các dự án nâng cao sự đa dạng về ngôn ngữ và văn hóa của châu Âu. Xem

[http://europa.eu.int/comm/avpolicy/media/index\\_en.html](http://europa.eu.int/comm/avpolicy/media/index_en.html)

- Tại **Jamaica**, Ủy ban về Điện ảnh, âm nhạc và giải trí do Cơ quan Xúc tiến Jamaica (Jamaica Promotions Corporation - JAMPRO) - là cơ quan đầu tư và xuất khẩu của Chính phủ Jamaica thành lập nhằm quản lý "Đạo luật khuyến khích công nghiệp điện ảnh" và các sáng kiến liên quan khác trong lĩnh vực văn hóa. Ủy ban được chia thành hai bộ phận – âm nhạc và điện ảnh – và được giao nhiệm vụ thúc đẩy lĩnh vực điện ảnh và âm nhạc của Jamaica như được nhấn mạnh trong Chính sách Công nghiệp quốc gia. Nhiệm vụ của Ủy ban bao gồm tạo điều kiện thuận lợi cho các hoạt động nhằm tạo thuận lợi cho đầu tư, xuất khẩu, việc làm và thu ngoại tệ. Xem <http://www.investjamaica.com> và <http://www.filmjamaica.com/>

# PHẦN XXIII. BÌNH LUẬN HOẶC GỢI Ý BỔ SUNG

## CÂU HỎI

199. Có mảng thông tin nào không được đề cập đến trong Công cụ kiểm toán sở hữu trí tuệ nhưng lại có liên quan đến khả năng sáng tạo, sở hữu và khai thác các kết quả nghiên cứu và các tác phẩm văn hóa của công chúng? Xin hãy đưa ra các ý kiến bình luận hoặc các nhận xét khác.

Để biết thêm thông tin, xin liên hệ:

**Tổ chức Sở hữu trí tuệ thế giới  
(WIPO)**

**Địa chỉ:**  
34, Chemin des Colombettes  
P.O. Box 18  
CH -1211 Geneva 20  
Thụy Sĩ  
**Điện thoại:** +41 22 338 91 11  
**Fax:** +41 22 733 54 28  
**E-mail:** [wipo.mail@wipo.int](mailto:wipo.mail@wipo.int)  
**Website:** <http://www.wipo.int>

hoặc

**Phòng Sở hữu trí tuệ và Công  
nghệ mới (WIPO)**

**Địa chỉ:**  
34, Chemin des Colombettes  
CH -1211 Geneva 20  
Thụy Sĩ  
**Điện thoại:** +41 22 338 90 78  
**Fax:** +41 22 338 71 10

hoặc

**Văn phòng Điều phối của WIPO  
tại New York**

**Địa chỉ:**  
2, United Nations Plaza  
Suite 2525  
New York, N.Y. 10017  
Hợp chủng quốc Hoa Kỳ  
**Điện thoại:** +1 212 963 6813  
**Fax:** +1 212 963 4801  
**E-mail:** [wipo@un.org](mailto:wipo@un.org)

hoặc

**Cục Sở hữu trí tuệ Việt Nam**

**Địa chỉ:**  
386 Nguyễn Trãi, Thanh Xuân, Hà Nội  
**Điện thoại:** +84.4.858 30 69  
**Fax:** +84.4.558 33 28  
**E-mail:** [vietnamipo@noip.gov.vn](mailto:vietnamipo@noip.gov.vn)  
**Website:** [www.noip.gov.vn](http://www.noip.gov.vn)

Có thể tải miễn phí bản tiếng Việt của  
ấn phẩm tại: [www.noip.gov.vn](http://www.noip.gov.vn)